

## LỜI MỞ ĐẦU

### ***1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu***

Đối với doanh nghiệp sản xuất, giá thành luôn là yếu tố quan trọng để doanh nghiệp có thể tái sản xuất và tìm kiếm lợi nhuận. Giá thành chính là thước đo mức chi phí tiêu hao phải bù đắp sau mỗi kỳ kinh doanh vì trước khi quyết định lựa chọn sản xuất trong bất kỳ một loại sản phẩm nào thì bản thân doanh nghiệp phải nắm bắt được nhu cầu thị trường, giá cả thị trường và điều tất yếu phải xác định đúng đắn mức chi phí sản xuất mà doanh nghiệp phải đầu tư. Doanh nghiệp muốn chiến thắng trong cạnh tranh bên cạnh nâng cao chất lượng, đổi mới sản phẩm thì hạ giá thành sản phẩm là một biện pháp hữu hiệu. Để hạ giá thành sản phẩm thì một vấn đề mà các doanh nghiệp cần quan tâm nhất thiết là tiết kiệm chi phí sản xuất. Do đó, công tác hạch toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong các doanh nghiệp là rất quan trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp nói chung và của công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel nói riêng, trong thời gian thực tập tại công ty em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, em lựa chọn đề tài ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel”*** làm khóa luận tốt nghiệp với mong muốn trau dồi và củng cố kiến thức về mặt lý luận cũng như học hỏi kinh nghiệm thực tế để hoàn thiện hơn những kiến thức đã học trong trường và phục vụ cho công việc sau này

### ***2. Mục đích nghiên cứu***

- Nghiên cứu để làm rõ những nhận thức chung về tổ chức tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp sản xuất
- Làm rõ thực trạng về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel
- Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel

### ***3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài***

Đề tài nghiên cứu các khoản mục chi phí được tập hợp để tính giá thành sản phẩm tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel.

#### ***4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài***

Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp kế toán( phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh( phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ), phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu đã đạt được...

Phương pháp kỹ thuật trình bày: kết hợp giữa mô tả với phân tích, giữa luận giải với bảng biểu sơ đồ.

#### ***5. Kết cấu của khóa luận***

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, khóa luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

***Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.***

***Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel***

***Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel.***

## CHƯƠNG 1

### LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

#### 1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

Sự phát sinh và phát triển xã hội loài người gắn liền với quá trình sản xuất. Nền sản xuất của bất kỳ phương thức sản xuất nào cũng gắn liền với sự vận động và tiêu hao các yếu tố cơ bản tạo nên quá trình sản xuất. Trong doanh nghiệp sản xuất là nơi trực tiếp tiến hành các hoạt động sản xuất ra của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Như vậy có thể nói bất kỳ một hoạt động sản xuất nào cũng đều phải có sự kết hợp ba yếu tố cơ bản đó là:

- Tu liệu lao động: Nhà xưởng, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác
- Đối tượng lao động: Nguyên nhiên vật liệu
- Sức lao động của con người

Các yếu tố đó chính là các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để sản xuất ra những lượng sản phẩm vật chất tương ứng. Nhất là trong nền kinh tế thị trường sự hạch toán kinh doanh cũng như các quan hệ trao đổi đều được tiền tệ hóa. Như vậy, các chi phí sản xuất mà doanh nghiệp chi ra luôn được tính toán và được đo lường bằng tiền và gắn với một thời gian xác định. Các chi phí đó bao gồm: hao phí lao động sống là hao phí trong việc sử dụng lao động như tiền lương, tiền công, lao động vật hóa là những lao động quá khứ đã được tích lũy trong các yếu tố vật chất được sử dụng để sản xuất như chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên liệu, vật liệu.

Như vậy, chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong một thời kỳ nhất định(tháng, quý, năm...) chi phí sản xuất phát sinh thường xuyên trong suốt quá trình tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp. Nhưng việc tập hợp chi phí và tính chi phí phải phù hợp với từng thời kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm. Chỉ những chi phí sản xuất mà doanh nghiệp phải bỏ ra trong kỳ mới được tính vào chi phí sản xuất trong kỳ. Khi xem xét về bản chất của chi phí trong doanh nghiệp, cần xác định rõ các mặt sau:

Chi phí của doanh nghiệp phải được đo lường và tính toán bằng tiền trong một khoảng thời gian xác định.

Độ lớn của chi phí phụ thuộc vào 2 nhân tố chủ yếu: khối lượng các yếu tố sản xuất đã tiêu hao trong kỳ và giá cả của một đơn vị yếu tố sản xuất đã hao phí

## **1.2 Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm**

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm lao vụ đã hoàn thành.

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu tổng hợp nhất phản ánh đầy đủ hao phí của tất cả các mặt. Giá thành biểu hiện trình độ, quy mô, tổ chức, tính hiện đại hay lạc hậu về mặt kỹ thuật của nền sản xuất, là chỉ tiêu cơ bản để lập kế hoạch sản xuất sản phẩm. Sự vận động của quá trình sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất bao gồm hai mặt đối lập nhau: một mặt là các chi phí doanh nghiệp đã chi ra, một mặt là kết quả sản xuất thu được.

Những sản phẩm, công việc, lao vụ nhất định đã hoàn thành đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của xã hội cần được tính giá thành hay nói cách khác cần phải tính những chi phí đã bỏ ra để sản xuất chúng.

Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng tài sản vật tư, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất cũng như tính đúng đắn của các giải pháp tổ chức, kinh tế, kỹ thuật. Những chi phí đưa vào giá thành sản phẩm phản ánh được giá trị thực của các tư liệu sản xuất tiêu dùng cho sản xuất và các khoản chi tiêu khác có liên quan tới việc bù đắp gián đơn hao phí lao động sống. Kết quả thu được là sản phẩm, công việc lao vụ đã hoàn thành đánh giá được mức độ bù đắp chi phí và hiệu quả của chi phí.

### *Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm*

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh có mối quan hệ với nhau và giống nhau về chất. Chúng đều là biểu hiện bằng tiền của các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa của doanh nghiệp. Tuy vậy, chúng vẫn có sự khác nhau trên các phương diện sau:

-Về mặt phạm vi: Chi phí sản xuất không tính đến chi phí liên quan đến số lượng sản phẩm đã hoàn thành hay chưa. Còn giá thành sản phẩm giới hạn số chi phí sản xuất liên quan để khối lượng sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành.

-Về mặt lượng: Nói đến chi phí sản xuất là xét đến các hao phí trong một thời kỳ còn giá thành sản phẩm liên quan đến chi phí của cả kỳ trước chuyển sang và số

chi phí kỳ này chuyển sang kỳ sau. Sự khác nhau về mặt lượng và mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thể hiện ở công thức tính giá thành sản phẩm tổng quát sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá} \\ \text{thành sản} \\ \text{phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí sản} \\ \text{xuất phát sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}$$

Như vậy, chi phí sản xuất là cơ sở để xây dựng giá thành sản phẩm còn giá thành là cơ sở để xây dựng giá bán. Trong điều kiện nếu giá bán không thay đổi thì sự tiết kiệm hoặc lãng phí của doanh nghiệp về chi phí sản xuất có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành từ đó sẽ tác động tới lợi nhuận của doanh nghiệp. Do đó tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của công tác quản lý kinh tế. Nó giúp cho doanh nghiệp cạnh tranh có hiệu quả trên thị trường.

### **1.3 Phân loại chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất có nhiều loại, nhiều khoản khác nhau cả về nội dung, tính chất, công dụng, mục đích, vai trò. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, để thuận lợi cho quá trình quản lý hạch toán cũng như nhằm sử dụng tiết kiệm, hợp lý chi phí thì cần thiết phải tiến hành phân loại chi phí. Xuất phát từ các mục đích, yêu cầu khác nhau của quản lý thì chi phí sản xuất được phân loại theo các tiêu thức khác nhau. Trên cơ sở đó để tiến hành và tổ chức tốt công tác kế toán. Kế toán tiến hành lựa chọn một trong những tiêu thức phân loại chủ yếu sau:

#### **1.3.1. Phân loại theo yếu tố chi phí (nội dung kinh tế của chi phí)**

Căn cứ vào tính chất kinh tế của các chi phí sản xuất khác nhau, để chia ra các yếu tố chi phí, mỗi yếu tố chi phí bao gồm những chi phí có cùng nội dung kinh tế ban đầu đồng nhất mà không phân biệt công dụng cụ thể, địa điểm phát sinh chi phí. Theo sự phân chia như vậy thì toàn bộ chi phí được chia thành các yếu tố chi phí sau:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu: Bao gồm toàn bộ giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, chi phí nhiên liệu và chi phí nguyên liệu khác sử dụng vào sản xuất.
- Chi phí nhân công: Yếu tố này bao gồm các khoản chi phí về tiền lương phải trả cho người lao động, các khoản trích theo tiền lương của lao động.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định(TSCĐ): Yếu tố chi phí này bao gồm khấu hao của tất cả TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh toàn bộ chi phí dịch vụ mua ngoài dùng vào sản xuất của doanh nghiệp.
- Chi phí khác bằng tiền: phản ánh toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh ở các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong kỳ.

Cách phân loại chi phí theo yếu tố có tác dụng quan trọng đối với việc quản lý chi phí của lĩnh vực sản xuất cho thấy hiểu rõ cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí là cơ sở để phân tích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất. Đó cũng là căn cứ để tập hợp và lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố cung cấp cho quản trị doanh nghiệp.

### ***1.3.2 Phân loại theo khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm***

Theo tiêu thức này chi phí sản xuất được chia theo khoản mục với cách phân loại này những chi phí có cùng công dụng kinh tế và phân bổ chi phí cho từng đối tượng thì được sắp vào một khoản mục không phân biệt tính chất kinh tế của nó.

Theo sự phân chia như vậy thì chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục chi phí sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Phản ánh toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, phụ, nhiên liệu... tham gia trực tiếp vào việc sản xuất chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ. Không tính vào khoản mục này chi phí nguyên, nhiên vật liệu dùng cho mục đích phục vụ sản xuất chung hay những hoạt động ngoài lĩnh vực sản xuất.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tiền lương, phụ cấp lương và các khoản trích theo tỷ lệ với tiền lương phát sinh, tham gia trực tiếp vào việc sản xuất, chế tạo sản phẩm. Không tính vào khoản mục này các khoản tiền lương, phụ cấp và các khoản trích tiền lương của nhân viên quản lý, phục vụ phân xưởng, bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí sản xuất chung: là những chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng sản xuất ( trừ chi phí nguyên liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp)

Phân loại chi phí sản xuất theo tiêu chí này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá

thành sản phẩm theo khoản mục là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí cho kỳ sau.

### ***1.3.3. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ với khối lượng sản phẩm sản xuất trong kỳ ( theo cách ứng xử của chi phí)***

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất bao gồm:

- Chi phí biến đổi( biến phí): Là những chi phí có quan hệ tỷ lệ thuận với biến động về mức độ hoạt động( khối lượng sản xuất trong kỳ).
- Chi phí cố định( định phí): Là những khoản chi phí không đổi trong phạm vi phù hợp khi mức độ hoạt động thay đổi
- Chi phí hỗn hợp: Là những khoản chi phí mà bản thân nó gồm cả yếu tố biến phí lẫn định phí.

Phân loại chi phí theo cách ứng xử có tác dụng lớn đối với công tác quản trị phục vụ cho việc ra quyết định quản lý cần thiết, giúp doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả trên thị trường.

### **1.4. Phân loại giá thành sản phẩm**

Phân loại giá thành giúp cho kế toán nghiên cứu và quản lý, hạch toán tốt giá thành sản phẩm và cũng đáp ứng tốt yêu cầu xây dựng giá cả sản phẩm. Dựa vào tiêu thức khác nhau và xét dưới nhiều góc độ mà người ta phân chia thành các loại khác nhau.

#### ***1.4.1. Phân loại giá thành xét theo thời điểm tính giá thành***

Theo cách phân loại này, giá thành chia làm 3 loại như sau:

- Giá thành kế hoạch: là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào sản xuất trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kế hoạch. Giá thành kế hoạch là giá thành mà các doanh nghiệp lấy nó làm mục tiêu phấn đấu, nó là căn cứ để so sánh phân tích đánh giá tình hình thực hiện hạ giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm và là công cụ quản lý định mức của doanh nghiệp là thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng vật tư, tài sản lao động trong sản xuất. Giá thành



định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí trong quá trình sản xuất. Giá thành định mức giúp cho việc đánh giá tính đúng đắn của các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp đã áp dụng trong sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Giá thành thực tế: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở số liệu chi phí thực tế phát sinh tổng hợp trong kỳ và sản lượng sản phẩm đã sản xuất trong kỳ, sau khi đã hoàn thành việc sản xuất sản phẩm dịch vụ và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế, là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả phân đầu của doanh nghiệp, đánh giá tình hình tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành là cơ sở để xác định kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### ***1.4.2. Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí***

Theo cách phân loại này, giá thành chia làm 2 loại như sau:

- Giá thành sản xuất: Là giá thành sản xuất của sản phẩm bao gồm các chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến việc sản xuất chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

- Giá thành toàn bộ: Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Do vậy giá thành toàn bộ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành toàn bộ} & & \text{Giá thành sản xuất} & & \text{Chi phí} & & \\ \text{của sản phẩm tiêu} & = & \text{của sản phẩm tiêu} & + & \text{bán} & + & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{thụ} & & \text{thụ} & & \text{hàng} & & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Giá thành toàn bộ chỉ được xác định khi sản phẩm được tiêu thụ. Giá thành toàn bộ là căn cứ để xác định mức lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

### **1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm**

#### ***1.5.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất***

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là xác định giới hạn tập hợp chi phí mà thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và đối tượng chịu chi phí.

- Nơi phát sinh chi phí như: các bộ phận sản xuất, các giai đoạn công nghệ



- Đối tượng chịu chi phí: nhóm sản phẩm, sản phẩm, chi tiết sản phẩm, đơn đặt hàng...

Tùy thuộc vào quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, yêu cầu công tác tính giá thành mà đối tượng hạch toán chi phí có tác dụng phục vụ cho việc tăng cường quản lý chi phí sản xuất và phục vụ cho công tác tính giá thành sản phẩm được kịp thời, đúng đắn.

Việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong doanh nghiệp phải dựa vào các cơ sở sau:

❖ Dựa vào đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất

+ Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất giản đơn không chia thành các giai đoạn cụ thể rõ rệt thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình sản xuất.

+ Đối với doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là từng bộ phận, từng nhóm chi tiết, từng chi tiết các giai đoạn chế biến...

❖ Dựa vào loại hình sản xuất của doanh nghiệp

+ Loại hình sản xuất đơn chiếc và sản xuất hàng loạt nhỏ thì đối tượng hạch toán chi phí có thể là các sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết, nhóm chi tiết, giai đoạn công nghệ...

+ Loại hình sản xuất hàng loạt với khối lượng lớn: Phụ thuộc vào quy trình công nghệ sản xuất và đối tượng hạch toán chi phí sản xuất có thể là sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết, nhóm chi tiết, giai đoạn công nghệ...

❖ Dựa vào yêu cầu và trình độ quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh

+ Theo yêu cầu và trình độ quản lý: Nếu yêu cầu quản lý ngày càng cao, trình độ và khả năng của nhân viên quản lý càng tốt thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ngày càng chi tiết và ngược lại.

+ Theo cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp: Nếu doanh nghiệp tổ chức theo kiểu phân xưởng thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là theo phân xưởng còn lại thì đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là toàn bộ doanh nghiệp.

Việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí và phù hợp với đặc điểm của đơn vị và yêu cầu quản lý có ý nghĩa rất lớn trong việc tổ chức công tác hạch toán

chi phí sản xuất. Từ việc tổ chức công tác hạch toán ban đầu đến tổng hợp số liệu ghi chép trên tài khoản, sổ chi tiết...

### **1.5.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm**

Đối tượng tính giá thành là sản phẩm, bán thành phẩm, công việc, lao vụ nhất định. Đối tượng đó có thể là sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất hay đang trên dây chuyền sản xuất.

Khi tính giá thành sản phẩm, dịch vụ, lao vụ phải căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh loại sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp sản xuất mà thực hiện xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp với thực tế của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp sản xuất có tính đơn chiếc thì đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành. Nếu sản xuất chế tạo hàng loạt thì đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoặc hoạt động dịch vụ đã hoàn thành.

Mặt khác, khi xác định đối tượng tính giá thành còn phải căn cứ vào quy trình công nghệ sản xuất của doanh nghiệp. Nếu quy trình sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành là loại sản phẩm hoàn thành ở cuối quy trình công nghệ. Nếu quy trình sản xuất phức tạp, liên tục thì đối tượng tính giá thành có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối cùng đã hoàn thành.

Xác định đối tượng tính giá thành đúng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp giúp kế toán mở sổ kế toán, các bảng tính giá và giá thành sản phẩm theo từng đối tượng cần quản lý và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả.

Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành:

Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành có mối quan hệ mật thiết với nhau. Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là điều kiện tiên đề để tính giá thành theo các đối tượng tính giá thành trong doanh nghiệp.

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành giống nhau ở bản chất đều là những phạm vi và giới hạn mà chi phí sản xuất phát sinh đã được tập hợp và tính toán. Cụ thể:

+ Đối tượng tập hợp chi phí có thể là nơi phát sinh chi phí hoặc là đối tượng chịu chi phí còn đối tượng tính giá thành chỉ là đối tượng chịu chi phí.

+ Khi quy trình sản xuất sản phẩm dạng đơn thì đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là một. Trong kỳ sản xuất, nếu không có chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ thì toàn bộ chi phí sản xuất tập hợp trong kỳ cũng chính là giá thành sản phẩm.

+ Khi quy trình công nghệ sản xuất ra nhiều loại sản phẩm hoặc sản xuất ra một loại sản phẩm nhưng lại có quy cách và phẩm chất khác nhau thì đối tượng kế toán chi phí sản xuất bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành.

+ Khi quy trình công nghệ sản xuất ra một loại sản phẩm nhưng phải trải qua nhiều công đoạn chế tạo gia công liên tục thì một đối tượng tính giá thành lại bao gồm nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ở mỗi công đoạn chế tạo.

### ***1.5.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm***

Kỳ tính giá thành là thời kỳ mà bộ phận kế toán phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng tính giá thành. Việc xác định kỳ tính giá thành một cách hợp lý sẽ giúp cho việc tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm được khoa học, hợp lý, kịp thời.

Dựa vào đặc điểm sản xuất- chu kỳ sản xuất, sản xuất theo đơn đặt hàng hàng loạt... và yêu cầu quản lý mà kỳ tính giá thành là tháng, quý, năm hay khi hoàn thành đơn đặt hàng.

Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất sản phẩm với chu kỳ ngắn, xen kẽ, liên tục thì kỳ tính giá thành phù hợp là tháng và vào thời điểm cuối tháng.

Trong trường hợp doanh nghiệp tiến hành sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt theo đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất kéo dài, sản phẩm chỉ hoàn thành khi kết thúc chu kỳ sản xuất thì kỳ tính giá thành thường là thời điểm mà sản phẩm hoặc loại sản phẩm đã hoàn thành( trong trường hợp này kỳ tính giá thành không phục hợp với kỳ báo cáo)

### **1.6. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất**

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí.

Tùy theo từng loại chi phí và điều kiện cụ thể, kế toán có thể vận dụng các phương pháp hạch toán tập hợp chi phí thích hợp

Có hai phương pháp tập hợp chi phí sản xuất mà các doanh nghiệp thường áp dụng.

### **1.6.1. Phương pháp tập hợp trực tiếp:**

Áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất riêng biệt. Do đó có thể căn cứ vào chứng từ ban đầu để hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng riêng biệt.

Đây là phương pháp tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí nên đảm bảo độ chính xác cao, nó cũng có ý nghĩa lớn đối với kế toán quản trị doanh nghiệp.

Thông thường chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp thường áp dụng phương pháp này.

### **1.6.2. Phương pháp phân bổ gián tiếp:**

Áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng được. Trong trường hợp đó phải tập hợp chung cho nhiều đối tượng sau đó lựa chọn tiêu thức phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí.

- Xác định hệ số phân bổ

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng các tiêu thức dùng để phân bổ}}$$

- Xác định chi phí phân bổ cho từng đối tượng

$$C_i = T_i \times H$$

$C_i$ : Là chi phí phân bổ cho đối tượng  $i$

$T_i$ : là tiêu thức phân bổ cho đối tượng  $i$

$H$ : hệ số phân bổ

-Tiêu thức phân bổ hợp lý giữ vai trò quan trọng trong khi tập hợp chi phí gián tiếp. Bởi vậy, việc lựa chọn tiêu thức phân bổ phải tùy thuộc vào loại chi phí sản xuất và các điều kiện cho phép khác nhau: định mức tiêu hao nguyên vật liệu, sản lượng sản xuất được. Lựa chọn tiêu thức hợp lý là cơ sở để tập hợp chi phí chính xác cho các đối tượng tính giá thành có liên quan.

## **1.7 Phương pháp tính giá thành sản phẩm**

### **1.7.1. Tính giá thành theo phương pháp trực tiếp(giản đơn)**

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước các doanh nghiệp khai thác( quặng, than...)

Giá thành sản phẩm được tính bằng cách trực tiếp lấy tổng số chi phí sản xuất(+) hoặc(-) số chênh lệch giữa giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ so với cuối kỳ chia cho số lượng sản phẩm hoàn thành được thể hiện theo công thức dưới đây:

$$\sum Z = Dđk + Cps - Dck$$
$$Z_{\text{đơn vị}} = \frac{\sum Z}{Qht}$$

Dck, Dđk: chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ

Cps: chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

$\sum Z$ ,  $Z_{\text{đơn vị}}$ : tổng giá thành và giá thành đơn vị

Qht : số lượng sản phẩm hoàn thành

### **1.7.2. Tính giá thành theo phương pháp tổng cộng chi phí**

Phương pháp này được áp dụng với các doanh nghiệp mà quá trình sản xuất gồm nhiều giai đoạn công nghệ như trong các doanh nghiệp khai thác, dệt, nhuộm, cơ khí chế tạo máy, may mặc...

Giá thành sản phẩm được xác định bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.

$$\text{Giá thành sản phẩm} = Z_1 + Z_2 + Z_3 + \dots + Z_n$$

$Z_1 + Z_2 + Z_3 + \dots + Z_n$  là giá thành hay tổng chi phí sản xuất của giai đoạn hoặc bộ phận 1,2,3,...,n.

### **1.7.3 Tính giá thành theo phương pháp hệ số**

Phương pháp này được áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng thu được đồng thời nhiều loại sản phẩm khác nhau. Vì vậy, chi phí không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất.

Phương pháp này kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy các loại sản phẩm về sản phẩm gốc, từ đó dựa vào tổng chi phí liên quan đến giá thành các loại sản

phẩm đã tập hợp để tính ra giá thành sản phẩm gốc và giá thành từng loại sản phẩm.

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc (Zoi)} = \frac{\text{Tổng sản giá thành sản xuất của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc quy đổi (Qo)}}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm } i(\text{Zi}) = \text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc (Zoi)} \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm } i(\text{Hi})$$

Trong đó:

$$Q_o = \sum_{i=1}^n Q_i \times H_i$$

$Q_i$ : số lượng sản phẩm thứ  $i$  chưa quy đổi

$H_i$ : hệ số quy đổi sản phẩm thứ  $i$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản xuất các} \\ \text{loại sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{sản xuất phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí sản} \\ \text{xuất dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

#### 1.7.4. Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách phẩm chất khác nhau như may mặc, dệt kim, đóng giày, cơ khí chế tạo (dụng cụ, phụ tùng...). Để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán thường tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (định mức) kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm từng loại.

$$\text{Giá thành thực tế đơn vị sản phẩm từng loại} = \text{Giá thành kế hoạch hoặc định mức đơn vị sản phẩm từng loại} \times \text{Tỷ lệ chi phí}$$

$$\text{Tỷ lệ chi phí} = \frac{\text{Giá thành thực tế của các loại sản phẩm}}{\text{Giá thành kế hoạch của các loại sản phẩm}}$$

#### 1.7.5. Tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng, kế toán tiến hành tập hợp chi phí theo từng đơn đặt hàng. Đối tượng tính

giá thành sản phẩm là sản phẩm của từng đơn đặt hàng. Việc tính giá thành này chỉ được tiến hành khi đơn đặt hàng hoàn thành.

Đối với các chi phí trực tiếp như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến đơn đặt hàng nào thì hạch toán trực tiếp cho đơn đặt hàng đó theo chứng từ gốc phát sinh.

Đối với chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều đơn đặt hàng thì tập hợp riêng, sau đó phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp (tiền lương của công nhân sản xuất, giờ công sản xuất...). Cuối kỳ kế toán, nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được cho đơn đặt hàng đó được coi là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chuyển kỳ sau. Đối với đơn đặt hàng đã hoàn thành thì toàn bộ chi phí đã tập hợp được cho đơn đặt hàng đó là tổng giá thành sản phẩm hoàn thành.

#### ***1.7.6. Tính giá thành theo phương pháp phân bước.***

Phương pháp này thường được áp dụng tại các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp kiểu sản xuất liên tục, sản phẩm trải qua nhiều giai đoạn, nhiều bước nối tiếp nhau theo một trình tự nhất định, mỗi bước tạo ra một loại bán thành phẩm. Bán thành phẩm của bước này là đối tượng chế biến của bước tiếp theo, cứ như vậy cho đến bước cuối cùng để tạo ra thành phẩm hoàn chỉnh. Do vậy, tùy theo đặc điểm, tình hình cụ thể mà đối tượng tính giá thành trong các doanh nghiệp loại hình này có thể là thành phẩm ở giai đoạn công nghệ cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm ở giai đoạn cuối.

Khi thực hiện phương pháp phân bước thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là từng giai đoạn công nghệ hoặc từng phân xưởng sản xuất riêng biệt, tham gia vào quy trình tạo nên sản phẩm hoàn chỉnh. Đối tượng tính giá thành có thể là thành phẩm, cũng có thể là bán thành phẩm ở từng giai đoạn công nghệ. Chính vì sự khác nhau về đối tượng tính giá thành nên kế toán có thể lựa chọn một trong hai phương án sau:

❖ ***Phương án 1:*** Tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm (còn gọi là phương án kết chuyển tuần tự)

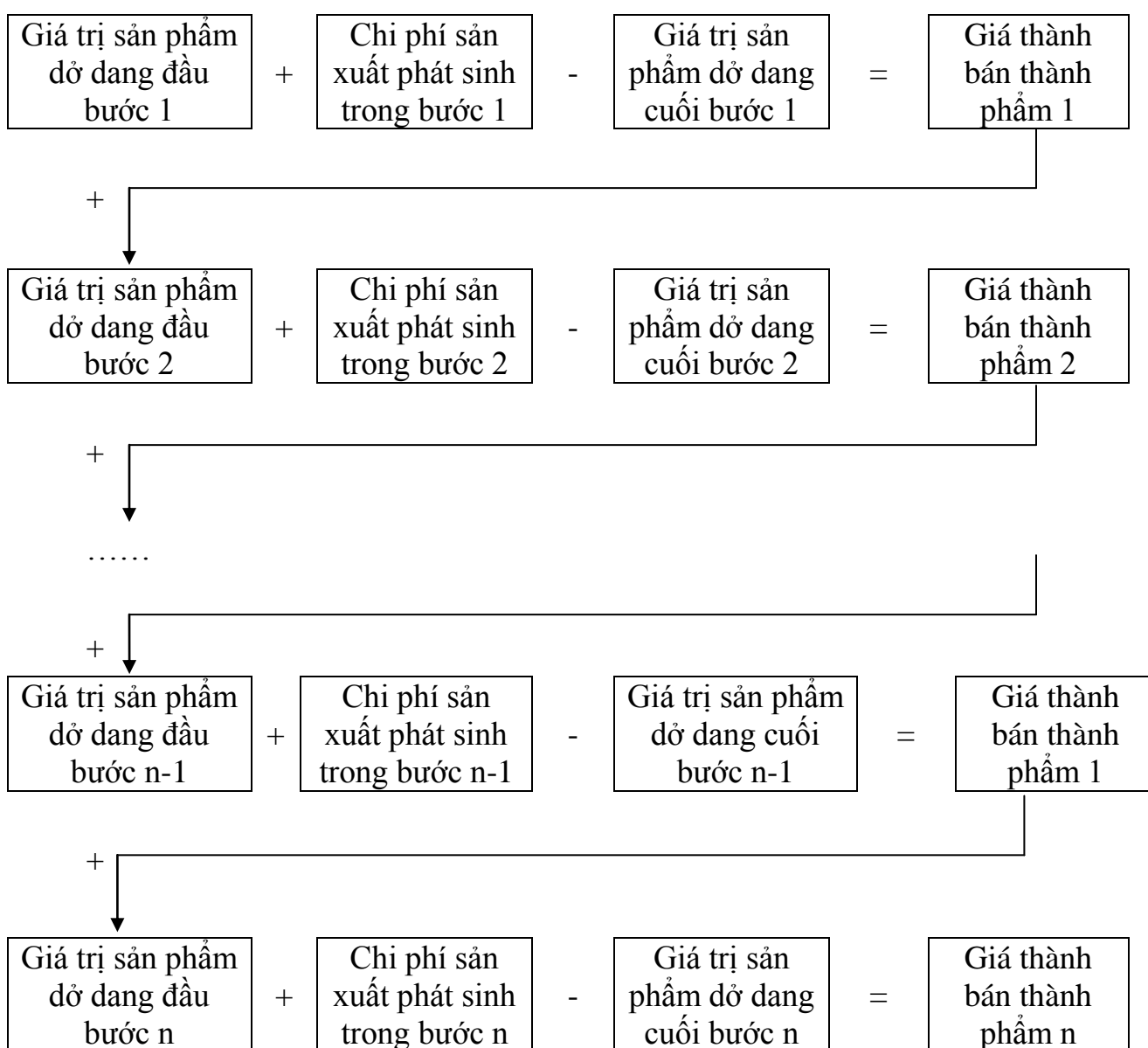
Phương án này áp dụng cho doanh nghiệp có quy trình sản xuất mà mỗi giai đoạn có yêu cầu tính giá thành bán thành phẩm do bán thành phẩm có giá trị sử



dụng độc lập có thể nhập kho đem bán hoặc tiếp tục chế biến. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn công nghệ.

Đối tượng tính giá thành là bán thành phẩm của các giai đoạn công nghệ và sản phẩm hoàn thành. Việc kết chuyển chi phí từ giai đoạn trước sang giai đoạn sau được thực hiện tuần tự theo từng khoản mục chi phí. Sau đây là trình tự tính giá thành trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước:

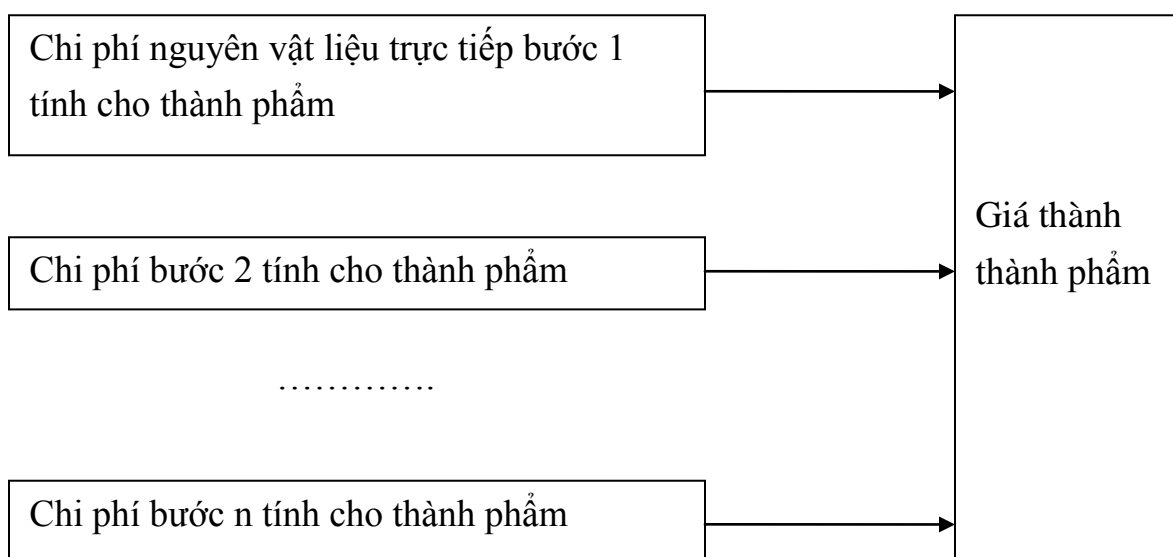
**Sơ đồ 1.1: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính giá thành bán thành phẩm trong doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phải qua n bước**



❖ **Phương án 2:** Tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm( còn gọi là phương án kết chuyển song song)

Phương án này được áp dụng thích hợp đối với doanh nghiệp sản xuất kiểu phức tạp chế biến kiểu liên tục không tiêu thụ bán thành phẩm hoặc việc tiêu thụ này có ý nghĩa không lớn. Việc tính giá thành sản phẩm bước cuối cùng được thể hiện trên sơ đồ sau:

**Sơ đồ 1.2: Trình tự tính giá thành theo phương pháp phân bước không tính giá thành bán thành phẩm**



### 1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm công việc còn đang trong quá trình sản xuất gia công, chế biến đang nằm trong các giai đoạn của quy trình công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến mới trở thành sản phẩm

Đánh giá sản phẩm dở dang là xác định và tính toán phần chi phí sản xuất còn nằm trong phần sản phẩm dở dang cuối kỳ là một trong những yếu tố quyết định tính hợp lý của giá thành sản phẩm sản xuất sản phẩm hoàn thành trong kỳ. Các thông tin về sản phẩm dở dang không những ảnh hưởng đến giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối mà còn ảnh hưởng đến lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thành phẩm xuất bán trong kỳ. Tùy theo đặc điểm tình hình cụ thể về tổ chức

sản xuất, quy trình công nghệ, cơ cấu chi phí, yêu cầu trình độ quản lý của từng doanh nghiệp mà vận dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang thích hợp. Vì vậy, đánh giá sản phẩm dở dang có ý nghĩa rất quan trọng trong kế toán doanh nghiệp.

### **1.8.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên liệu trực tiếp**

Theo phương pháp này, kế toán giả định trong sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ có chi phí nguyên liệu trực tiếp mà không tính đến các chi phí sản xuất khác (như chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

### **1.8.2 Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương**

Theo phương pháp này, kế toán dựa theo mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang để quy sản phẩm dở dang thành sản phẩm hoàn thành rồi từ đó xác định từng khoản mục chi phí nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ. Tiêu chuẩn quy đổi thường căn cứ vào giờ công hoặc tiền lương định mức.

- Đối với chi phí bỏ hết một lần ngày từ đầu vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp) được phân bổ đều 100% cho cả sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành.

$$\text{Chi phí NVLTT trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí NVL dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- Đối với chi phí bỏ dần vào quy trình sản xuất (thường là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung) được gọi là chi phí chế biến chỉ được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

$$\text{Chi phí chế biến trong sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Chi phí chế biến dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí chế biến phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}} \times \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành tương đương}$$



## **1.9. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm**

### **1.9.1 Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên,**

#### **1.9.1.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Chi phí nguyên liệu trực tiếp là các chi phí về nguyên liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng lượng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường được quản lý theo các định mức chi phí do doanh nghiệp xây dựng.

Để kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng TK621 – chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Kết cấu chủ yếu của TK này như sau:

Bên Nợ : Trị giá vốn nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ trong kỳ.

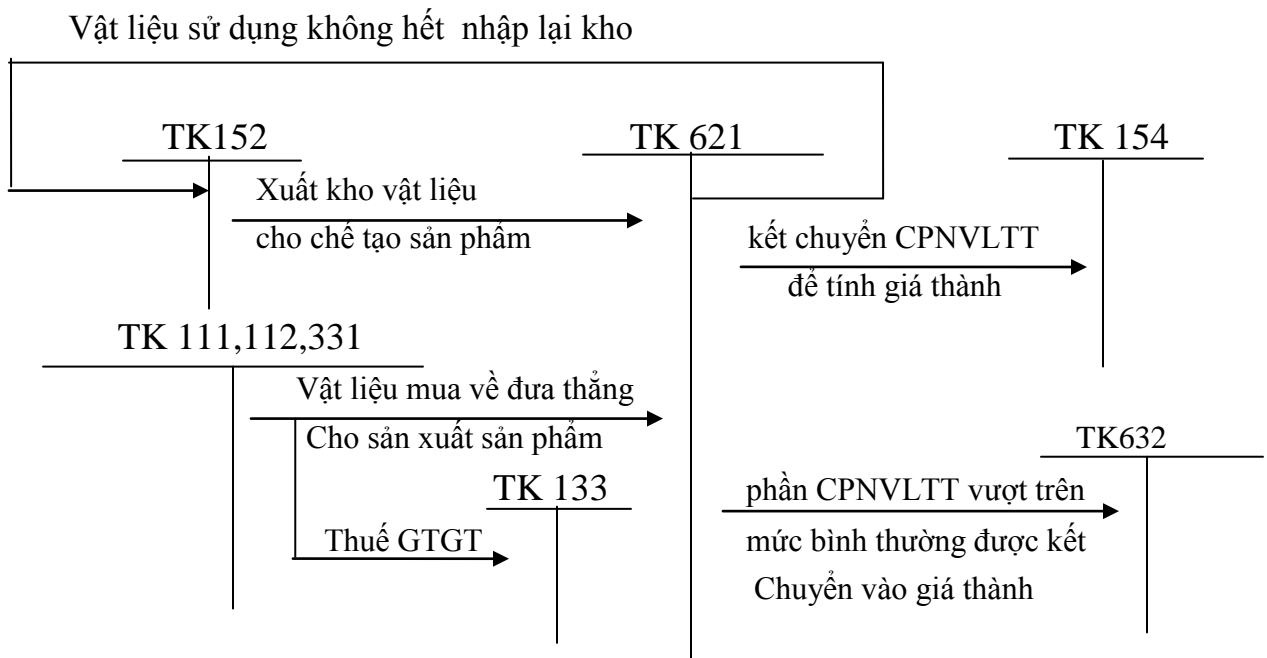
Bên Có: + Trị giá vốn nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho.

+ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tính giá thành sản phẩm

+ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vượt trên mức bình thường

TK 621 không có số dư cuối kỳ.

### Sơ đồ 1.3 : Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



#### *1.9.1.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp*

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ gồm tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo số tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất.

Giống như chi phí nguyên liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp thường là các khoản chi phí trực tiếp nên nó được tập hợp trực tiếp vào các đối tượng chi phí liên quan. Trong trường hợp không tập hợp trực tiếp được thì chi phí nhân công trực tiếp cũng được tập hợp chung sau đó kế toán tiến hành phân bổ cho từng đối tượng theo một tiêu chuẩn phân bổ hợp lý. Các tiêu chuẩn thường được sử dụng để phân bổ chi phí nhân công trực tiếp là: chi phí tiền lương định mức (hoặc kế hoạch), giờ công định mức, giờ công thực tế, khối lượng sản phẩm sản xuất ra...

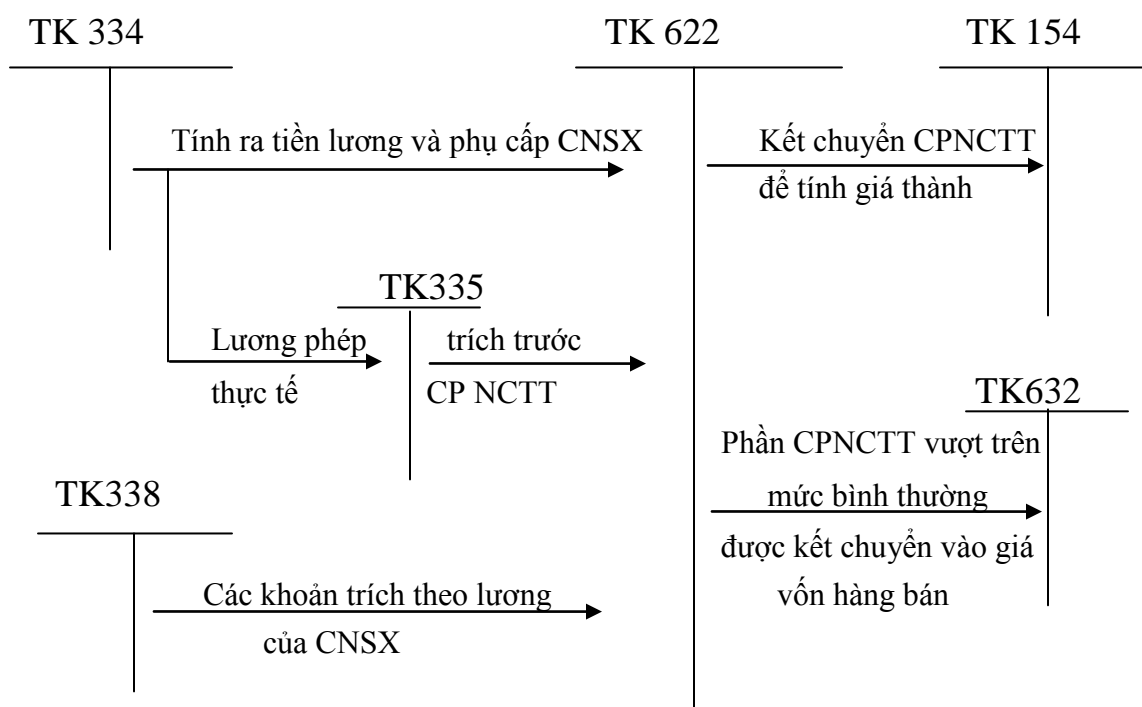
Để kế toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng Tk 622 – chi phí nhân công trực tiếp. Kết cấu cơ bản của TK này như sau:

Bên Nợ: Chi phí nhân công trực tiếp tham gia quá trình sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ bao gồm: tiền lương, tiền công lao động và các khoản trích trên tiền lương, tiền công theo quy định phát sinh trong kỳ

Bên Có: + Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp để tính giá thành sản phẩm  
+ Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường vào TK632 “ giá vốn hàng bán”

TK622 không có số dư cuối kỳ

#### **Sơ đồ 1.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**



#### ***1.9.1.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung***

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất phát sinh ở phân xưởng, bộ phận sản xuất.

Chi phí sản xuất chung được tổ chức tập hợp theo từng phân xưởng, đội sản xuất, quản lý chi tiết theo từng yếu tố chi phí. Mặt khác, chi phí sản xuất chung còn được tập hợp theo chi phí cố định và chi phí biến đổi. Cuối kỳ, sau khi đã tập hợp chi phí sản xuất theo từng phân xưởng, kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong phân xưởng theo những tiêu chuẩn phân bổ hợp lý. Việc tính toán và xác định chi phí sản xuất chung tính vào chi phí chế biến sản phẩm còn phải căn cứ vào công suất hoạt động thực tế của máy móc, thiết bị.



Chi phí sản xuất cố định được phân bổ vào chi phí chế biến cho mỗi đơn vị sản xuất được dựa trên công suất bình thường của máy móc sản xuất. Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất cao hơn công suất bình thường thì chi phí sản xuất cố định phân bổ theo chi phí thực tế phát sinh. Trường hợp mức sản phẩm thực tế sản xuất thấp hơn công suất bình thường, phần chi phí chung không được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Chi phí sản xuất chung biến đổi được phân bổ hết trong kỳ theo chi phí thực tế

Kế toán sử dụng TK 627 – chi phí sản xuất chung để tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung. Kết cấu của TK này như sau:

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.

Bên Có: + Các khoản ghi giảm chi phí sản xuất chung( Nếu có)

+ Chi phí sản xuất chung được phân bổ, kết chuyển chi phí cho các đối tượng chịu chi phí.

+ Chi phí sản xuất chung không được phân bổ, kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

TK 627 không có số dư cuối kỳ và được mở 6 tài khoản cấp 2 để tập hợp theo yếu tố chi phí.

TK6271: Chi phí nhân viên phân xưởng

TK6272: Chi phí vật liệu

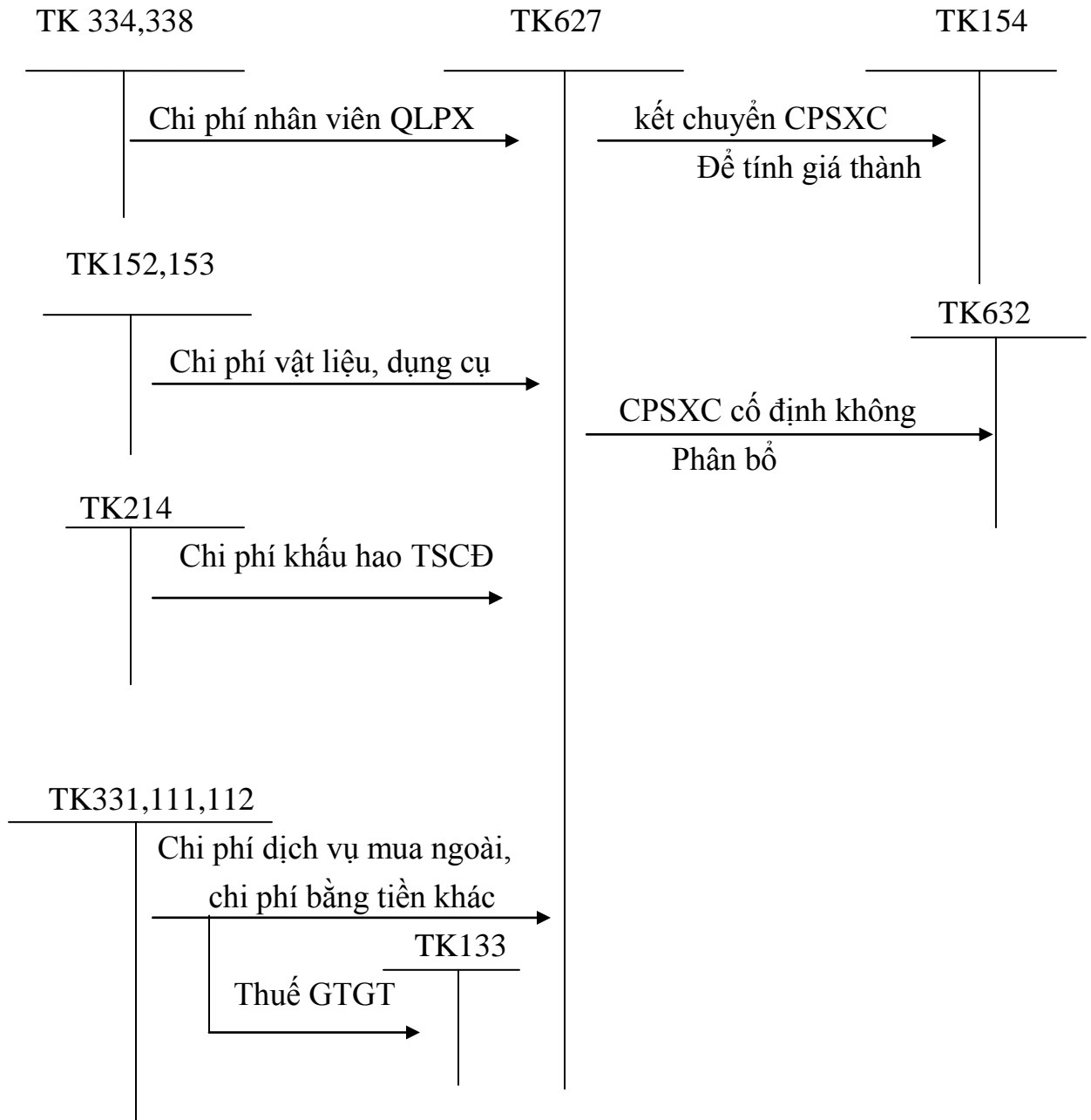
TK6273: Chi phí dụng cụ sản xuất

TK6274: Chi phí khấu hao tài sản cố định

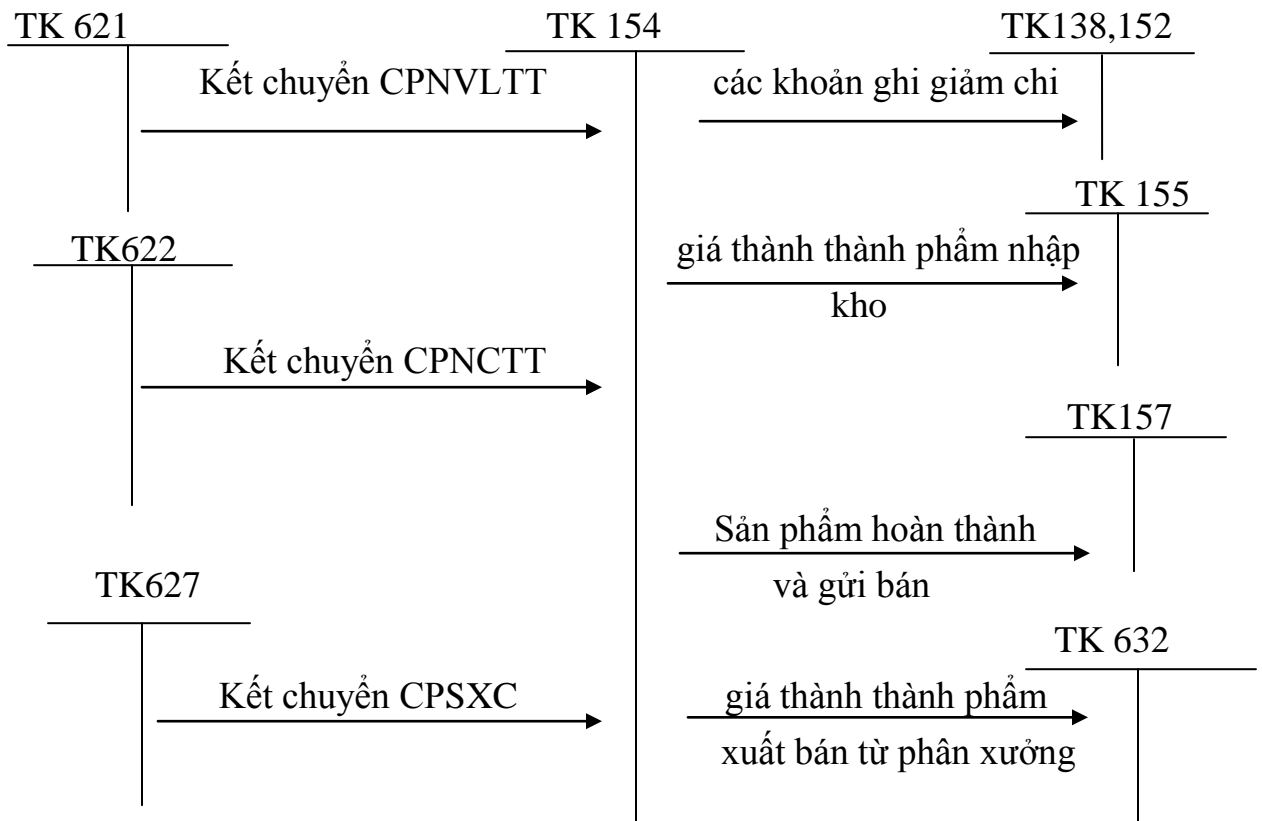
TK6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK6278: Chi phí bằng tiền khác.

**Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí sản xuất chung**



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**



**1.9.2. Hạch toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức:

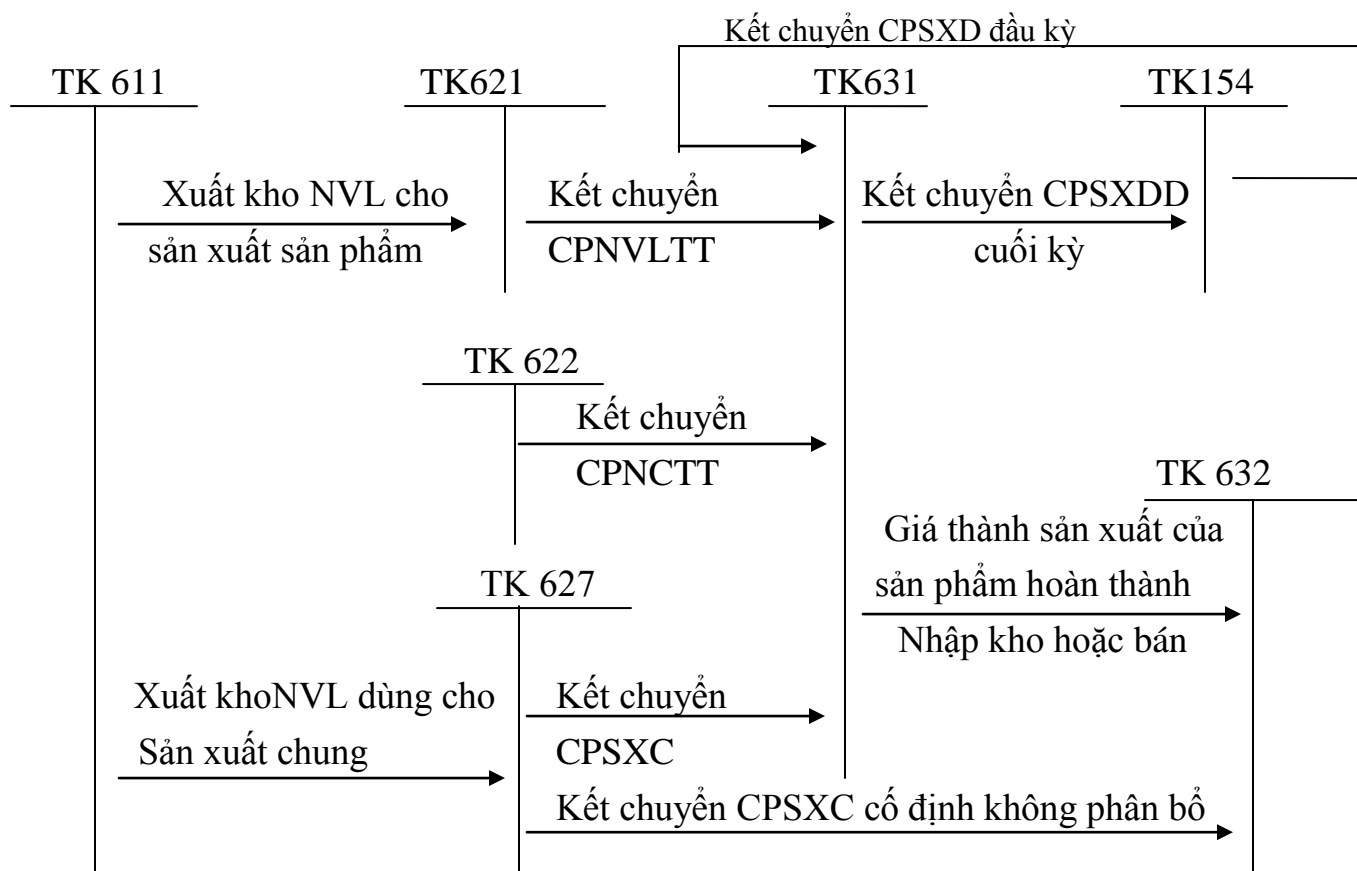
$$\text{Giá trị vật tư hàng hóa xuất kho} = \text{Giá trị tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị nhập trong kỳ} - \text{Giá trị tồn cuối kỳ}$$

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa, vật tư với nhiều quy cách, mẫu mã khác nhau, giá trị thấp, hàng hóa, vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên( cửa hàng bán lẻ...).

Phương pháp này giống với các phương pháp kê khai thường xuyên ở chỗ TK dùng để tập hợp chi phí sản xuất vẫn là TK 621,622,627 vì các tài khoản này không liên quan đến hàng tồn kho. Do đặc điểm của kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, TK154 chỉ sử dụng để phản ánh chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ, việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hoàn thành được thực hiện trên TK 631 – giá thành sản xuất. TK 631 cũng được hạch toán chi tiết theo nơi phát sinh chi phí( tổ, đội sản xuất, phân xưởng) và theo loại, nhóm sản phẩm.

***Trình tự hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ như sau:***

**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



**1.10. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.**

Theo chế độ kế toán hiện hành, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

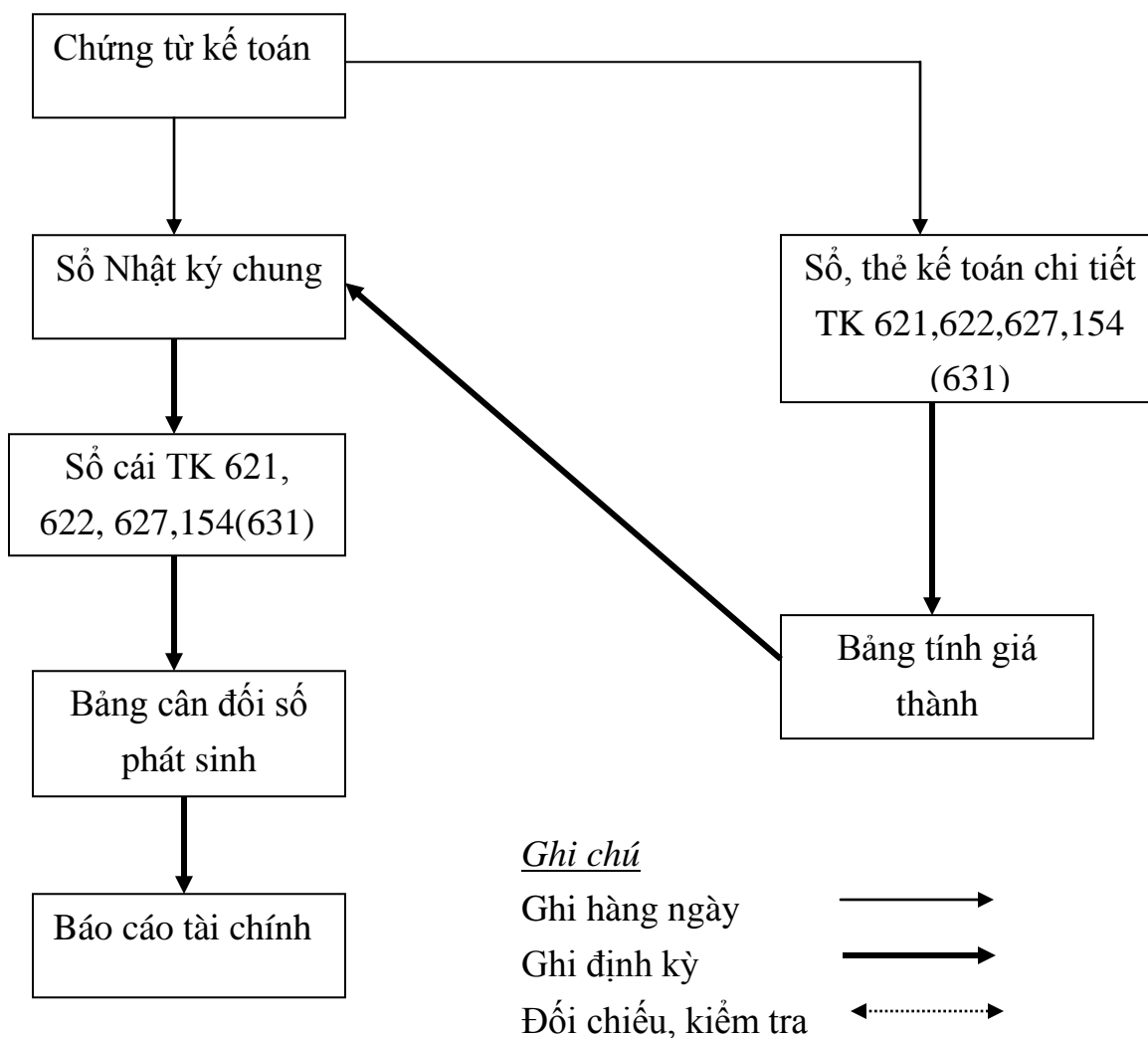
Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

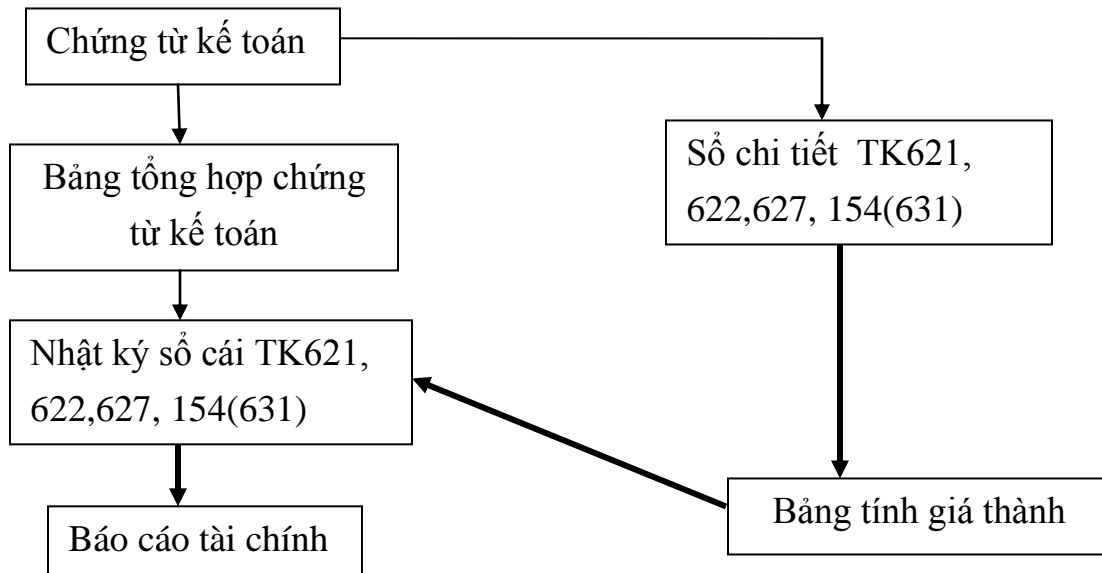
Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán mà lựa chọn cho phù hợp.

Hình thức kế toán thực chất là hình thức tổ chức sổ kế toán. Hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán chính là hình thức tổ chức các sổ kế toán để hạch toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm.

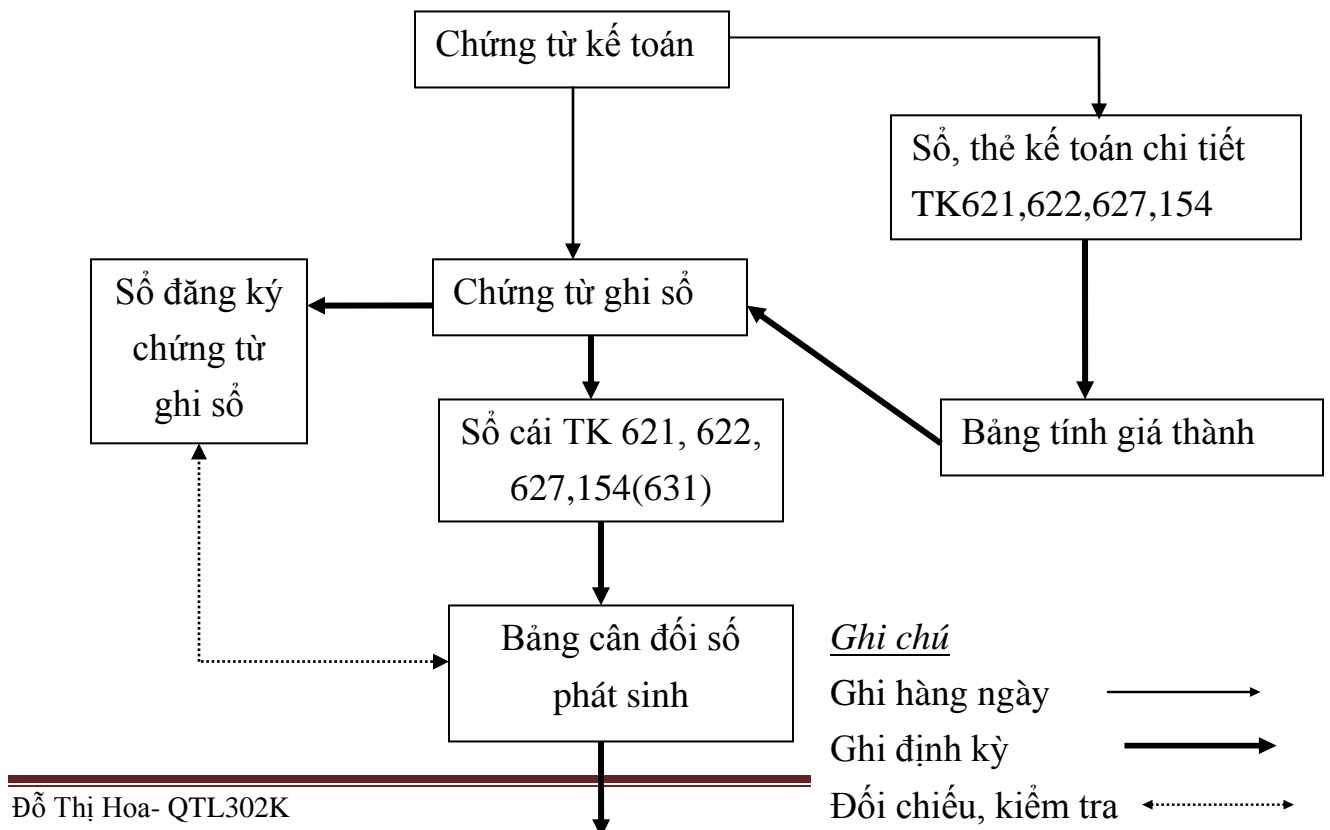
**Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



**Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán CPSX- giá thành sản phẩm  
theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

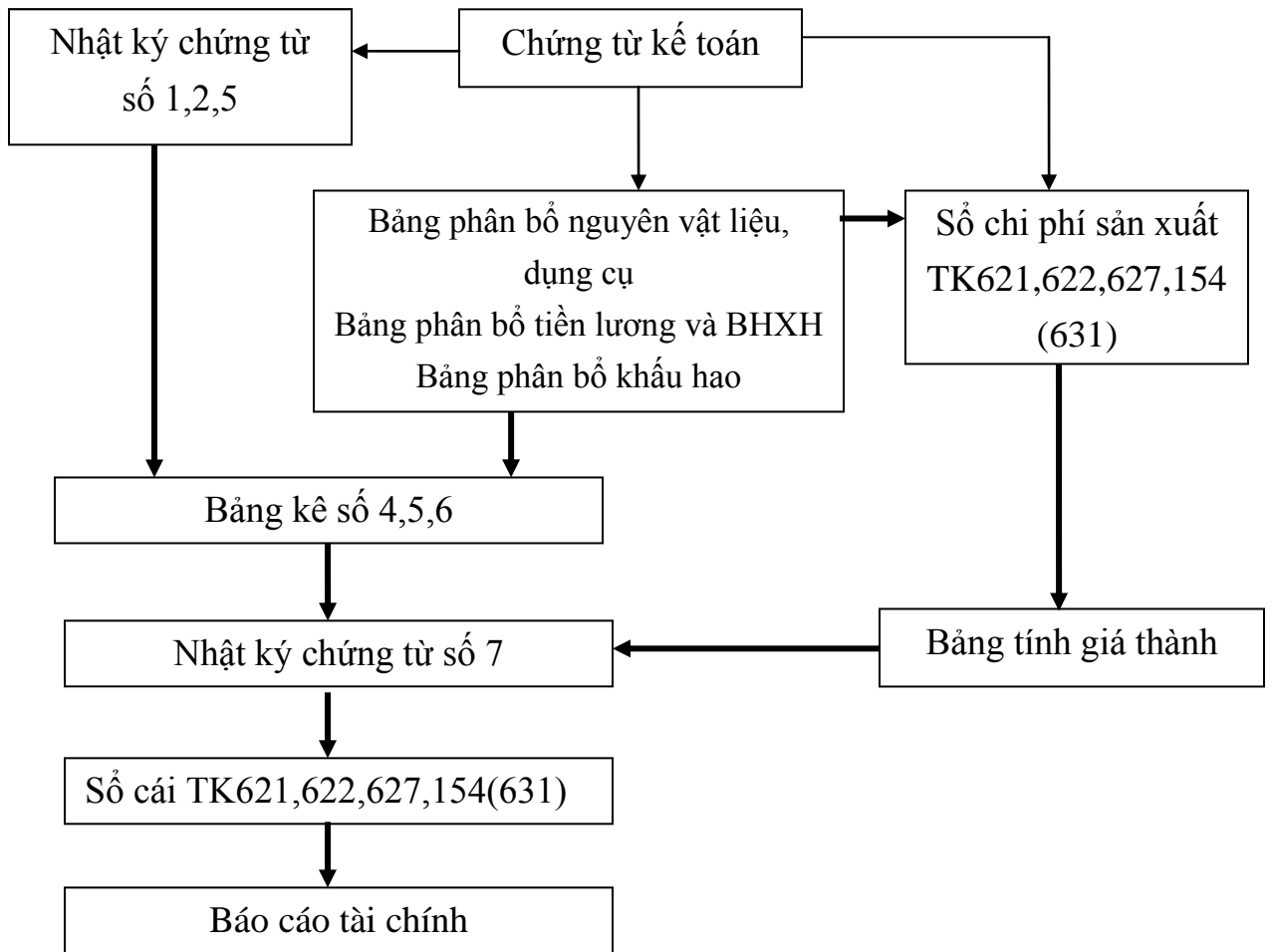


**Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán CPSX- giá thành sản phẩm  
theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**

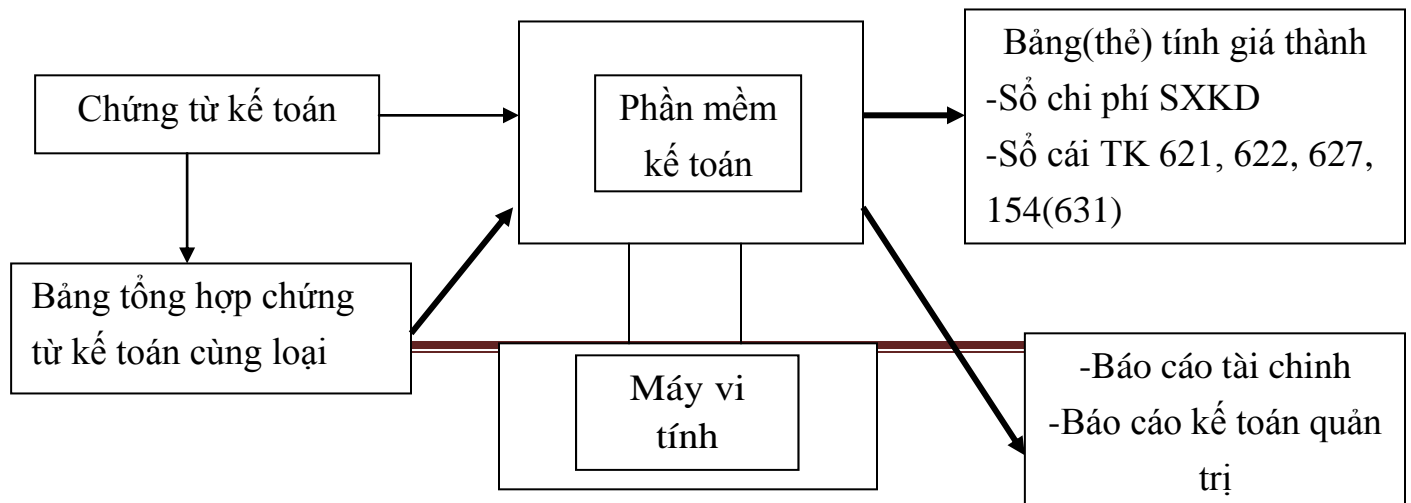


Báo cáo tài chính

**Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán CPSX – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ**



**Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán CPSX- giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính**





## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY LIÊN DOANH SẢN XUẤT THÉP VINAUSTEEL

**2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel**

#### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển công ty.**

Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel được thành lập theo giấy phép đầu tư số 898/ GP ngày 28/6/1994 do Bộ Kế hoạch & Đầu tư cấp giấy phép đầu tư.

Công ty liên doanh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và phải mở tài khoản tại ngân hàng theo các quy định của Pháp luật Việt Nam.

**Tên giao dịch:** CÔNG TY LIÊN DOANH SẢN XUẤT THÉP VINAUSTEEL

Điện thoại: 84-313-850 145

Fax: 84-313-850 140

Website: **Vinausteel.vn. com**

Email: **Vasteelhp@ vinausteel.com.vn**

Địa điểm trụ sở: **Tại Km số 9 khu Vật Cách, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng.**

Công ty được liên doanh bởi:

➤ Bên Việt Nam: Tổng công ty thép Việt Nam - Viet Nam Stell Corporation(VSC)

➤ Bên Cộng hòa Australia: Công ty Viet Nam Industrial Investment Ltd.,(VII)

Tổng vốn đầu tư của Công ty là: 40.020.000 USD

Vốn pháp định là: 12.100.000 USD. Trong đó:

➤ Tổng công ty thép Việt Nam: 3.630.000 USD chiếm 30%

➤ Công ty Viet Nam Industrial Investment Ltd: 8.470.000USD chiếm 70%

Công ty bắt đầu khởi công xây dựng vào ngày 10/11/1994

Sản phẩm đầu tiên ra đời ngày 26/09/1995

#### **2.1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại công ty**

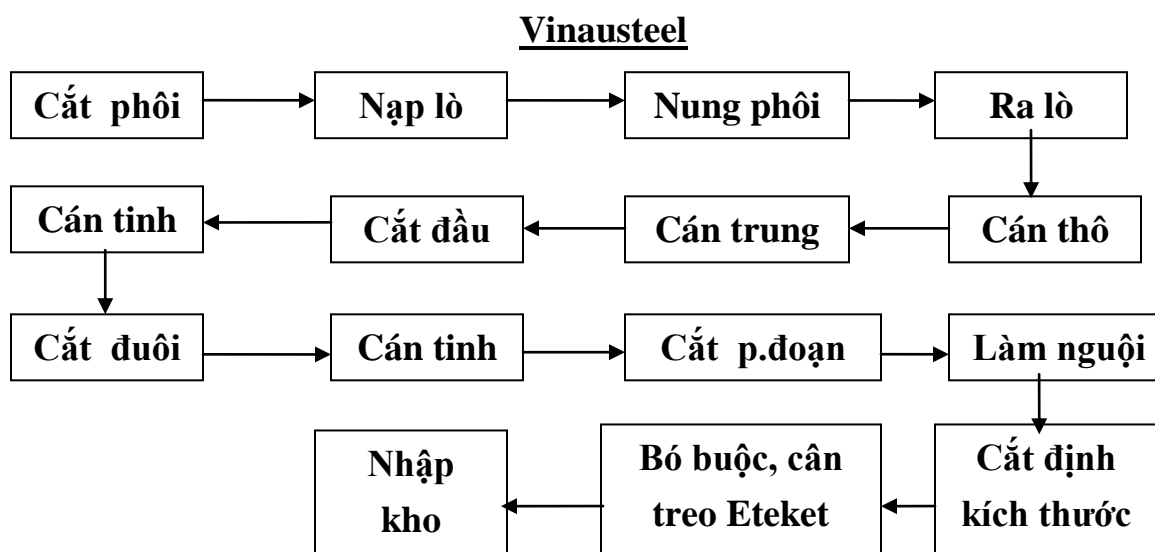
\* Đặc điểm quy trình công nghệ của công ty

Quy trình công nghệ sản xuất là nhân tố cơ bản ảnh hưởng trực tiếp tới công tác tổ chức bộ máy quản lý nói chung và công tác tổ chức hạch toán nói riêng. Nó là căn cứ để xây dựng đối tượng tập hợp CPSX và phương pháp tính giá thành thích hợp ở mỗi doanh nghiệp. Ở công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel, nguyên liệu từ khi đưa vào sản xuất đến khi nhập kho thành phẩm là một quy trình công nghệ khép kín, sản xuất thép  $\phi 10\div\phi 40$  có quy trình công nghệ như sau, khi có kế hoạch sản xuất loại thép có kích cỡ nào, nhân viên kỹ thuật chỉ việc thay hoặc tiện các lỗ hình trong trục cán. Tùy theo kế hoạch sản xuất và căn cứ vào tình hình trên thị trường mà trong tháng công ty tổ chức sản xuất loại thép nào.

*Các bước tiến hành:*

Bộ phận kinh doanh dự kiến kế hoạch bán hàng gửi cho phân xưởng sản xuất, trên cơ sở đó dựa vào năng lực cụ thể, xưởng sản xuất lập kế hoạch sản xuất và gửi bộ phận kinh doanh, vật tư thực hiện

**Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản phẩm tại công ty LDSX thép**



Phôi thép được chuyển về kho nhà máy bằng ô tô, xuống liệu bằng cầu trục 10 tấn. Tại kho chứa phôi trong gian lò máy, phôi được cắt thành từng đoạn có chiều dài 3 mét bằng cắt nguội 1000 tấn hoặc mỏ cắt. Phôi chờ nung được xếp thành từng kiện ở cạnh lò. Việc nạp lò được tiến hành nhờ cầu trục 5 tấn cầu phôi lên sàn nhận liệu, mỗi lần cầu 8 thanh. Con lăn sẽ đưa phôi đến lò nung. Máy đẩy thủy lực 70 tấn sẽ đẩy thép vào lò nung liên tục từ 1100- 1150<sup>0</sup>C khi đạt yêu cầu nung, thép ra lò rơi vào đường con lăn và được chuyển đến máy cán qua các giá cán.

Tại máy cán thô 3 trục  $\phi 500$ , phôi được cán 5 lần. Tiết diện phôi ra khoảng 55x55 mm được đến nhóm cán trung liên tục cán tiếp 4 lần. Sau đó, phôi được cắt đầu, và đi vào một trong hai tuyến của nhóm cán tinh cán tối đa 10 lần.

Sau khi ra khỏi giá cán cuối cùng, thép được cắt phân loại theo kích thước <56m bằng hai máy cắt bay kiểu đĩa. Nhờ có hệ thống con lăn và máy đẩy, thép được chuyển đến sàn làm nguội và được cắt theo yêu cầu của khách hàng và đóng thành từng bó, sau đó thép được kiểm tra, phân loại, đóng nhãn hiệu và nhập kho thành phẩm.

**\*Đặc điểm tổ chức sản xuất**

Quy trình cán thép được tổ chức ở một phân xưởng sản xuất và chia thành 2 bộ phận:

- Bộ phận sản xuất chính gồm 3 tổ:

- + Tổ lò nung: Có nhiệm vụ lái máy đẩy phôi và cầu trục, móc cáp, nạp phôi vào lò, nung phôi.

- + Tổ cán thép: Có nhiệm vụ lái máy đai điều khiển, điều chỉnh cán phôi qua giá cán thô, giá cán trung, giá cán tinh

- + Tổ sàn nguội: Có nhiệm vụ trục sàn nguội, lái cầu trục, phục cắt máy chọn phế bavia và bó buộc sản phẩm.

Bộ phận sản xuất chính chia làm 2 ca: Ca A, Ca B. Mỗi ca sản xuất 10 tiếng luân phiên nhau hàng ngày, bộ phận sản xuất phụ (Ca C) mỗi ngày làm 4 tiếng chia đều thời gian cho 2 ca sản xuất chính. Các tổ sản xuất được hợp lý hóa, phân công trách nhiệm rõ ràng, đảm bảo cho việc tổ chức và quản lý sản xuất được chặt chẽ, đảm bảo cho quy trình sản xuất nhịp nhàng, đúng tiến độ và chất lượng kỹ thuật.

- Bộ phận sản xuất phụ chia làm 6 tổ:

- + Tổ mặt bằng: có nhiệm vụ vệ sinh phân xưởng sau mỗi ca sản xuất.

- + Tổ cắt phôi: Có nhiệm vụ cắt phôi trước khi nạp vào lò nung và lái xe nâng, lái cầu trục.

- + Tổ điện: Có nhiệm vụ trục, sửa điện trong phân xưởng, đặt và quản lý các thông số điều khiển điện trên đường công nghệ

- + Tổ cơ bị kiện: Có nhiệm vụ sửa chữa máy móc, thiết bị dây chuyền cán, gia công sửa chữa bị kiện, hàn, cắt, xử lý sự cố.

+ Tổ gia công cơ khí: Có nhiệm vụ tiện, phay, bào thép theo các tiêu chuẩn kỹ thuật

+ Tổ vận tải nội bộ: Thực hiện công tác vận chuyển phôi liệu đưa vào sản xuất, chuyển sản xuất.

### **2.1.3. Những khó khăn và thuận lợi của doanh nghiệp**

#### **\*Thuận lợi**

Điểm nổi bật của Công ty liên doanh Vinausteel là ngay từ ngày đầu thành lập đến nay 2 bên liên doanh luôn tin cậy và hợp tác chân thành. Phía nước ngoài đã tin tưởng và hoàn toàn giao cho phía Việt nam chọn lựa phương án đầu tư, giải phóng mặt bằng, tổ chức xây dựng nhà xưởng, tìm và mua sắm thiết bị, công nghệ, tuyển chọn và đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân, tổ chức bộ máy điều hành sản xuất, kinh doanh trên cơ sở thống nhất của Hội đồng Quản trị. Thời gian xây dựng và hoàn chỉnh nhà máy để chính thức đưa vào sản xuất chỉ trong một năm kể từ ngày được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép đầu tư.

Công ty đã xây dựng được mối quan hệ cộng tác, tinh thần hỗ trợ của các ban ngành đoàn thể. Nội bộ ban giám đốc, cấp uỷ đoàn kết bên cạnh đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ nhiệt tình có nhiều kinh nghiệm trong nghiệp vụ. Trong đội ngũ nhân viên ngày càng có kinh nghiệm được đào tạo học hỏi, nâng cao trình độ nhận thức, kịp thời nắm bắt hướng phát triển kinh tế. Từ đó bộ máy tổ chức của công ty ngày càng đa dạng và nhạy bén trong hoạt động kinh doanh, có khả năng đánh giá và chuyển hướng kinh doanh thích hợp với từng thời điểm và thị hiếu của khách hàng

Những điều kiện thuận lợi là môi trường kinh doanh ngày càng được thiết lập trên cơ sở công bằng và hợp lý. Nước ngoài phải nói đến hệ thống pháp luật ngày càng được nhà nước chú ý, bổ sung, sửa đổi nhằm bảo vệ quyền lợi, cũng như tạo mọi điều kiện cho sự phát triển của các thành phần kinh tế.

Việc Vinausteel sản xuất và kinh doanh có lãi một phần lớn nhờ vào việc Nhà nước đánh thuế cao thép xây dựng cùng loại nhập khẩu, trong lúc đó đánh thuế nhập khẩu phôi thép rất thấp. Trong thời gian tới, để đáp ứng nhu cầu thép xây

dựng ngày càng cao và để nâng cao uy tín cũng như khả năng cung cấp của mình, Công ty đang dự kiến xây dựng thêm một dây chuyền sản xuất hiện đại hơn và có công suất cán lớn hơn.

Trước sự cạnh tranh không lành mạnh của các đơn vị cơ sở kinh tế khác về chất lượng sản phẩm (nhằm hạ giá thành), cố ý chịu lỗ, phá giá để mở rộng thị trường đã gây cho công ty không ít khó khăn, nhưng với cung cách hoạt động đề cao chất lượng và hiệu quả “giữ chữ tín trong tâm”, công ty đã từng bước được khách hàng chấp nhận nhờ vào chất lượng của sản phẩm từ đó công ty đã nắm bắt được những hợp đồng kinh tế quan trọng.

Từ ngày thành lập cho đến nay, trong suốt quá trình hoạt động mặc dù gặp không ít những khó khăn. Nhưng công ty đã từng bước khắc phục được những bất lợi cũng như tận dụng những điều kiện thuận lợi của mình, dần dần khẳng định vị trí của mình trên thị trường. Trong tương lai sắp tới, trên bước đường phát triển, công ty còn gặp những trở ngại lớn. Tuy nhiên, với năng lực của mình, công ty sẽ vượt qua những thử thách và ngày càng đứng vững trên thị trường.

Qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh công ty luôn có mối quan hệ tốt và uy tín với khách hàng đến làm ăn với công ty. Chính điều đó làm cho doanh thu của công ty ngày một tăng, quy mô phát triển, thị phần ngày càng được mở rộng.

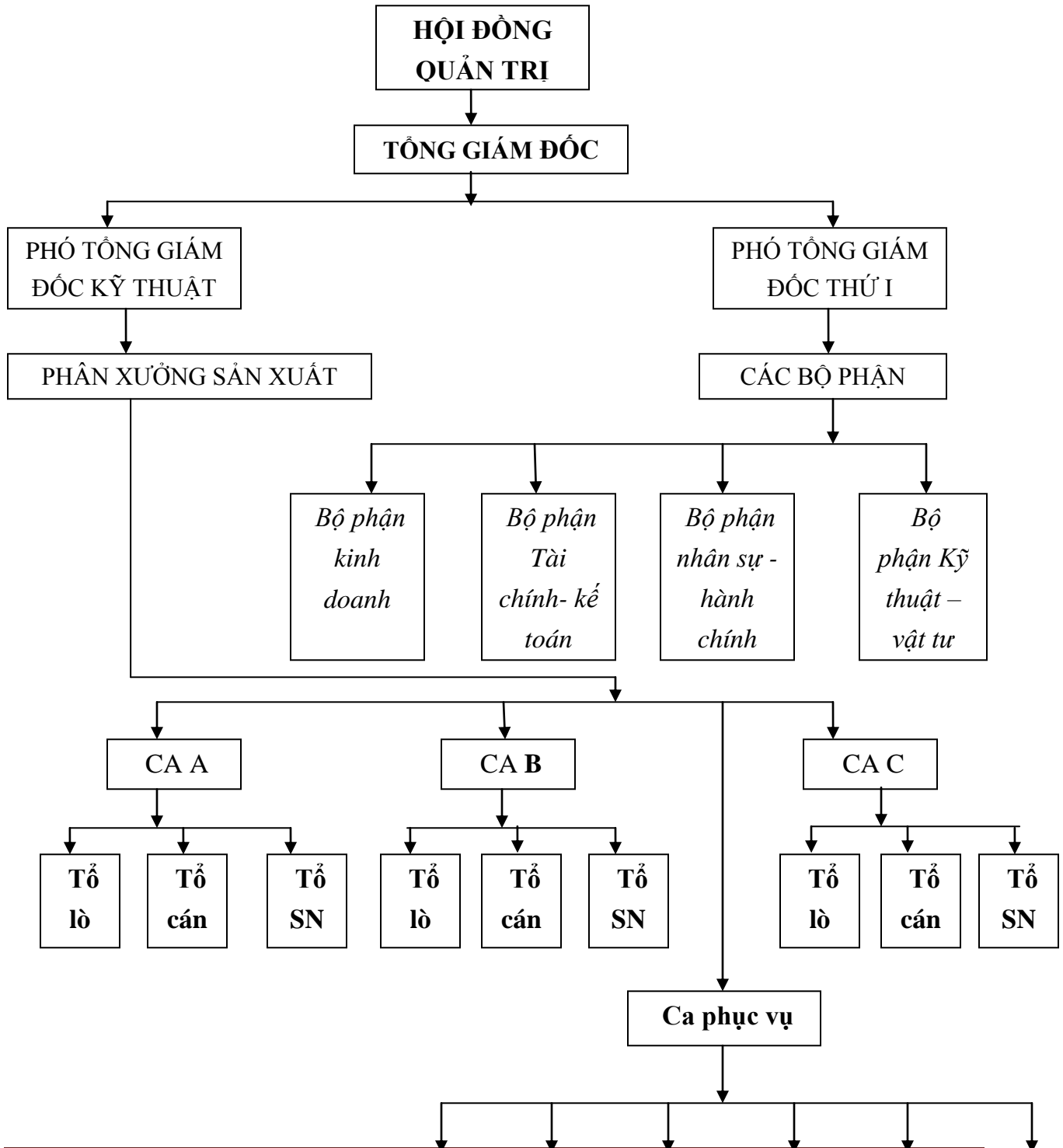
#### **\* *Khó khăn***

Ngay từ khi thành lập do nguồn vốn kinh doanh của công ty còn hạn chế, hoạt động của công ty chủ yếu là lấy thu bù chi để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhưng đến nay công ty đã đạt được một số kết quả khả quan. Tuy nhiên trong suốt quá trình hoạt động nhất là những năm gần đây, công ty gặp không ít khó khăn. Trong thời gian gần đây gặp phải sự biến động không ngừng trong ngành thép ở nguyên vật liệu đầu vào & trên thị trường tiêu thụ sản phẩm, hoạt động doanh thu thấp và không có hiệu quả, hoạt động sản xuất chưa có đủ điều kiện để phát huy hết công suất. Bên cạnh đó công ty phải đương đầu với phương thức cạnh tranh của các đơn vị cùng ngành và mua bán không lành mạnh của nhân bên

ngoài. Mặt khác hệ thống cung cấp thông tin của nước ta chưa được phát triển đúng mức, chưa cung cấp kịp thời các thông tin thị trường cho các đơn vị kinh tế, từ đó gây khó khăn trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

**2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.**

**Sơ đồ 2.2: Bộ máy quản lý Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel**



Tổ mặt bằng	Tổ cắt phôi	Tổ điện	Tổ cơ	Tổ GC CK	Tổ vận tải
-------------------	-------------------	------------	----------	----------------	------------------

Nhiệm vụ của từng bộ phận như sau:

\*Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị của công ty là cơ quan quản lý cao nhất có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như phê chuẩn ngân sách kế hoạch tài chính, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, phê duyệt báo cáo tài chính, bổ sung và sửa đổi điều lệ của công ty, quyết định thành lập, giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

\*Ban giám đốc:

- Tổng giám đốc: là người đại diện về mặt pháp lý của công ty trước tòa án và cơ quan nhà nước. Tổng giám đốc được hội đồng quản trị ủy quyền quản lý và chịu trách nhiệm về tất cả hoạt động của công ty.

- Phó tổng giám đốc: là người giúp việc cho tổng giám đốc. Phó tổng giám đốc thứ nhất phụ trách về tài chính. Phó tổng giám đốc kỹ thuật phụ trách về kỹ thuật sản xuất.

\*Các bộ phận:

Hiện nay bộ máy quản lý của công ty gồm 4 phần thực hiện những nhiệm vụ riêng đồng thời có quan hệ mật thiết với nhau trong quy trình quản lý. Đứng đầu mỗi phòng ban là một trưởng phòng. Các trưởng phòng nhận lệnh từ tổng giám đốc lên kế hoạch cụ thể, đệ trình tổng giám đốc xét duyệt, từ đó triển khai, giám sát chặt chẽ các hoạt động trong phòng ban của mình, chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc về công việc được giao.

- Bộ phận kinh doanh: là bộ phận tham mưu chính cho Ban lãnh đạo về hoạt động SXKD của Công ty. Bộ phận này có nhiệm vụ tìm hiểu chung về nhu cầu thị trường, thu thập kịp thời những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty. Trên cơ sở đó tổng hợp, phân tích những dữ liệu thông tin cần thiết cho việc quản lý kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Phối hợp với bộ phận Marketing xúc tiến việc bán hàng, cân đối kế hoạch nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ kiện phục vụ cho sản xuất.



- Bộ phận Tài chính- Kế toán: Có chức năng phản ánh hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh.

- Bộ phận Nhân sự - Hành chính: Xây dựng kế hoạch, tổ chức quản lý và thực thi các công việc hành chính về lao động, tiền lương của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty

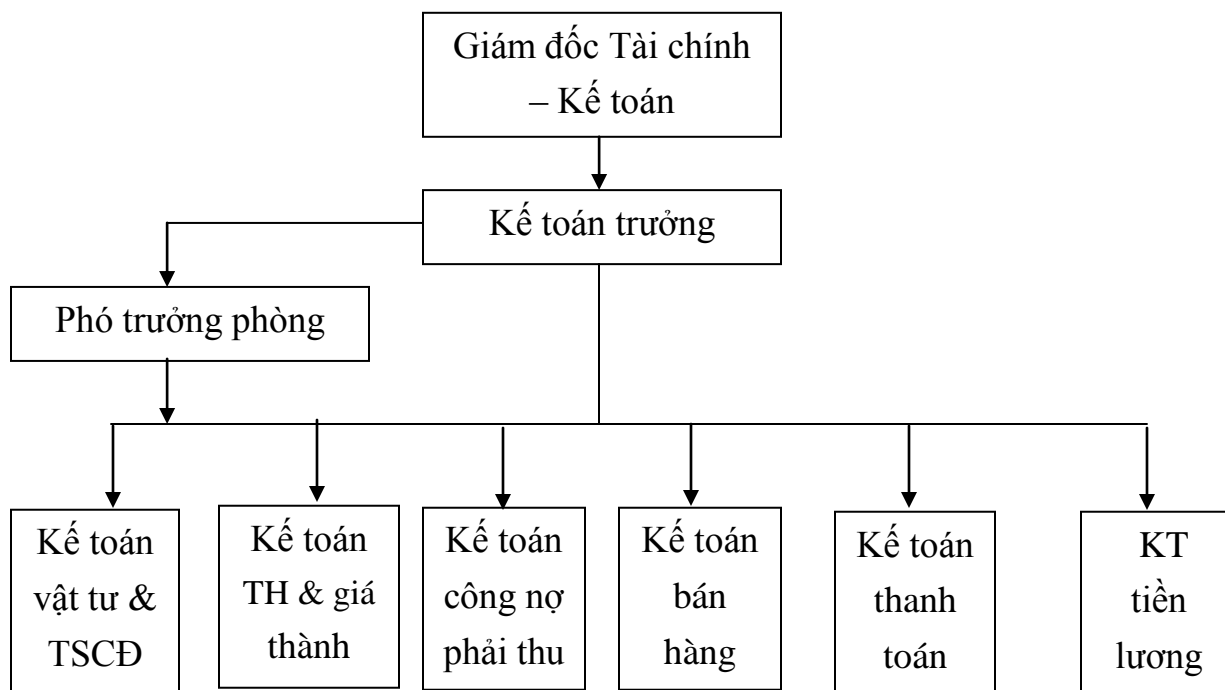
- Bộ phận Kỹ thuật- Vật tư: Biên lập nội dung, quản lý, giám sát việc tổ chức mọi hoạt động sản xuất trong công ty, phụ trách về công nghệ kỹ thuật dây chuyền cán.

\*Xưởng sản xuất: Xưởng sản xuất tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, sửa chữa và bảo trì thiết bị, quản lý mọi hoạt động sản xuất trong xưởng.

### ***2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel***

\*Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

**Sơ đồ 2.3: Bộ máy kế toán của công ty LDSX thép Vinausteel**



Để đảm bảo cho bộ máy kế toán của công ty hoạt động có hiệu quả phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Bộ phận tài chính kế toán có nhiệm vụ hoạch định chiến lược tài chính, xây dựng và quản lý hệ thống tài chính kế toán, mua bảo hiểm rủi ro tài sản, hàng hóa. Bên cạnh đó thực hiện các nghiệp vụ kế toán nhý theo dõi về vật

tư, TSCĐ, tiền lương, BHXH, doanh thu bán hàng, công nợ, tiền vốn, thanh toán, xác định chi phí, giá thành, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và lập báo cáo kế toán, báo cáo tài chính.

**Chức năng, nhiệm vụ của từng kế toán viên:**

**Giám đốc tài chính:** Tham gia cùng bộ phận xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh, thông tin cho ban giám đốc về cơ hội và rủi ro về tài chính kế toán trong hoạt động kinh doanh của công ty đồng thời lập kế hoạch hoạt động của bộ phận nhằm đảm bảo các chỉ tiêu công ty đề ra. Quản lý, điều hành hoạt động của bộ phận và chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc về kết quả hoạt động của bộ phận

**Kế toán trưởng:** Tổng hợp dữ liệu tài chính kế toán, cung cấp thông tin và tham gia cùng bộ phận xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh công ty. Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với quy mô đặc điểm hoạt động của công ty và quy định quản lý kế toán tài chính hiện hành.

**Phó trưởng phòng tài chính- kế toán:** Cung cấp số liệu cho việc xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh công ty. Phụ trách các phân hành kế toán trong bộ phận. Lập kế hoạch ngân sách, tài chính hàng tháng, quý, năm.

**Kế toán tổng hợp:** tổng hợp số liệu, các nghiệp vụ phát sinh để xác định chi phí, giá thành sản xuất và lập báo cáo kế toán tài chính.

**Kế toán vật tư và TSCĐ:** Theo dõi chi tiết và tổng hợp các loại vật tư, tài sản, chi phí tính vào giá thành. Theo dõi các hợp đồng phôi thép, vật tư nhập khẩu và các hợp đồng mua đang thực hiện, theo dõi các khoản phải trả nhà cung cấp. Lập báo cáo nhanh theo yêu cầu.

**Kế toán bán hàng và thành phẩm:** Tiếp nhận, lưu giữ và kiểm soát các chứng từ liên quan đến khách hàng. In hóa đơn bán hàng, lưu giữ và bảo quản hóa đơn.

**Kế toán công nợ phải thu khách hàng:** Tiếp nhận, lưu giữ, kiểm soát toàn bộ hồ sơ liên quan đến khách hàng. Mở sổ theo dõi chi tiết công nợ khách hàng hàng ngày. Đôn đốc công nợ đến hạn và quá hạn của từng khách hàng. Lập báo cáo chi tiết công nợ phải thu cho từng khách hàng, lập bảng tổng hợp công nợ phải thu, tính doanh thu bán hàng. Kê khai thuế GTGT đầu ra trong tháng gửi cho lãnh đạo bộ phận duyệt.

**Kế toán thanh toán:** Kiểm soát các chứng từ thanh toán, chứng từ phải trả nhà cung cấp, hợp đồng mua hàng, theo dõi các khoản phải nộp thuế, làm lệnh chuyển

tiền qua ngân hàng, viết phiếu chi tiền mặt, lập sổ quỹ thu chi và đối chiếu sổ dư cuối tháng với các ngân hàng. Lưu giữ chứng từ gốc cùng sổ phụ ngân hàng. Tiến hành các thủ tục mở và thanh toán L/C nhập khẩu, mở sổ theo dõi các khoản tín dụng theo (L/C) đã mở. Giao dịch mua ngoại tệ, vay tín dụng, gửi tiền tại các ngân hàng.

Kế toán tiền lương: Thực hiện thu chi tiền mặt đầy đủ, kịp thời và chính xác. Hàng ngày theo dõi sổ dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng có trên tài khoản, các khoản tín dụng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nộp ngân sách. Lập bảng kê thuế VAT mua vào của hàng hóa dịch vụ. Tính toán lương, BHXH, các khoản phải nộp ngân sách theo chế độ và luật định. Mở sổ sách theo dõi một cách có hệ thống tiền lương, các khoản trích theo lương, thuế thu nhập cá nhân chi tiết cho từng cá nhân và tập hợp cho từng bộ phận.

\*Chính sách kế toán áp dụng tại công ty: Công ty liên doanh sản xuất thép Vinaasteel áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 15/QĐ – BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

+ *Niên độ kế toán* từ ngày 01/01 đến 31/12

+ *Đơn vị tiền tệ*: VND

+ *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho*: Phương pháp kê khai thường xuyên

+ *Phương pháp tính giá hàng xuất kho*: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

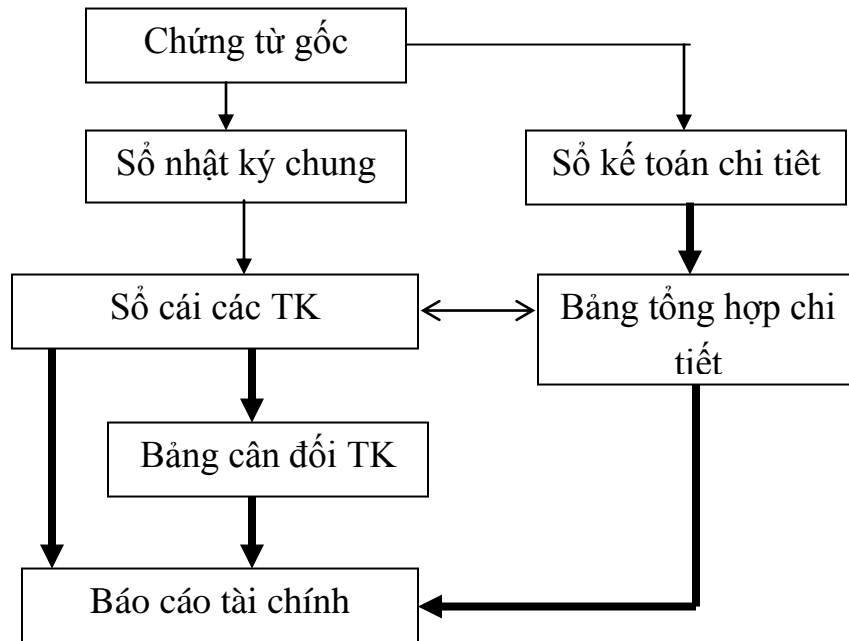
+ *Phương pháp khấu hao TSCĐ*: Khấu hao đường thẳng

+ *Phương pháp tính thuế GTGT*: phương pháp khấu trừ.

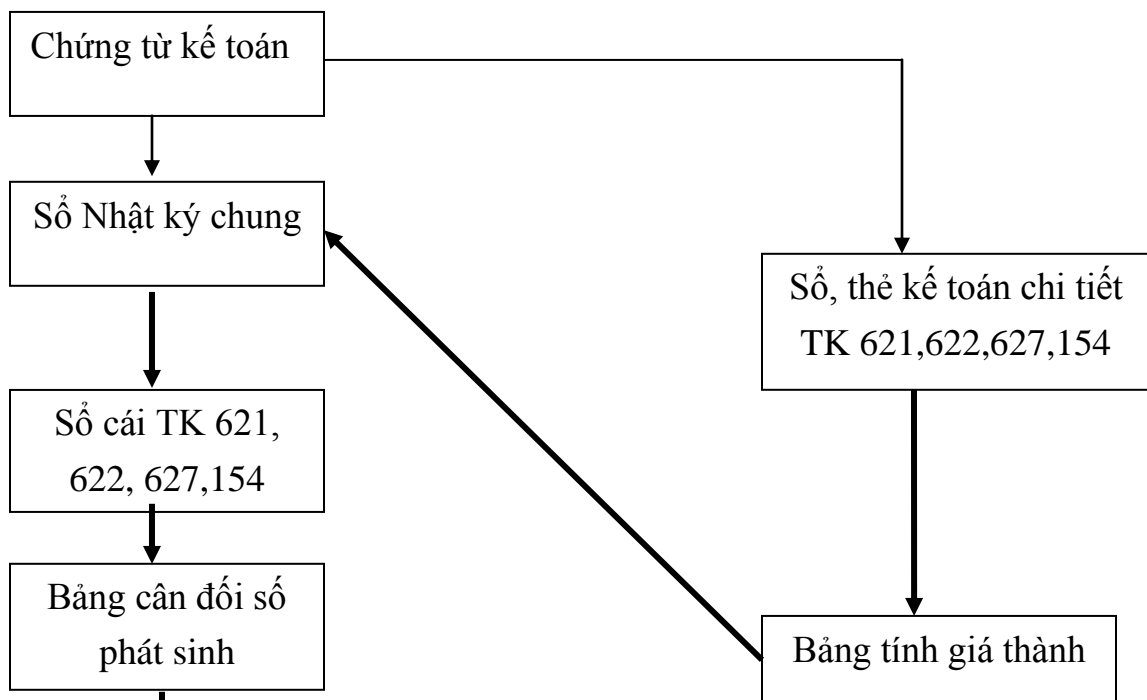
+ *Hình thức kế toán áp dụng*: Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán “ Nhật ký chung” là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC, sau đó từ sổ NKC vào sổ cái các tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết báo cáo kế toán.

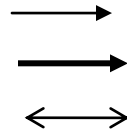
**Sơ đồ 2.4: trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung tại công ty LDSX**

**thép Vinausteel**



**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí tài chính sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung tại công ty LDSX thép Vinausteel**





Hàng ngày cán bộ kế toán kiểm tra và thu thập chứng từ, phân loại chứng từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và ghi sổ

## **2.2. Thực trạng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel**

### **2.2.1 Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất tại công ty**

Trong quá trình kinh doanh, công ty phải bỏ ra nhiều loại chi phí khác nhau như: chi phí nguyên liệu, tiền lương, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị. Tuy nhiên, căn cứ vào đặc điểm, công dụng của chi phí trong sản xuất sản phẩm của công ty, căn cứ vào đặc điểm sản xuất sản phẩm và phương pháp tính giá thành, toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh trong tháng bao gồm:

- *Chi phí nguyên liệu trực tiếp:*

CPNVLTT là những chi phí nguyên vật liệu có liên quan trực tiếp đến đối tượng chịu chi phí, nó tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm, tạo ra đặc trưng vật lý cho sản phẩm.

Tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel nguyên vật liệu trực tiếp gồm: phôi thép, dầu FO...sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

- *Chi phí nhân công trực tiếp*

CPNCTT là số tiền phải thanh toán cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm. Tại công ty chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương, phụ cấp.

- *Chi phí sản xuất chung*

CPXSC là tất cả các chi phí cần thiết phục vụ cho quá trình sản xuất nhưng chưa được xếp vào hai loại chi phí kể trên.

Việc phân loại chi phí theo khoản mục của Công ty rất thuận lợi cho công tác tính giá thành theo khoản mục chi phí và việc quản lý chi phí. Nhà quản lý sẽ căn cứ vào từng khoản mục chi phí phát sinh trong kỳ để xem tỷ trọng của từng khoản mục chi phí chiếm bao nhiêu % trong tổng chi phí và định mức tiêu hao của từng khoản mục chi phí trong mỗi loại sản phẩm là tăng hay giảm so với thực tế. Từ đó,

xác định được phương hướng hợp lý và có các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

### ***2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại công ty***

#### ***2.2.2.1 Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất***

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là phân xưởng sản xuất. Việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên cần thiết của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Có xác định đúng đắn đối tượng hạch toán chi phí sản xuất phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm mới giúp cho công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng như công tác quản lý đạt hiệu quả cao.

Đặc điểm sản xuất của công ty là sản xuất hàng loạt theo kế hoạch sản xuất và tình hình tiêu thụ sản phẩm trên thị trường.

#### ***2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành***

Đối tượng tính giá thành là đối tượng hao phí vật chất mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất đã được kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí vật chất cần bù đắp cũng như tính toán được kết quả sản xuất kinh doanh.

Đối tượng tính giá thành sản phẩm của công ty là sản phẩm hoàn thành (tán thép thành phẩm)

### ***2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành***

Do đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất nên kỳ tính giá tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel kể từ khi bắt đầu nhận kế hoạch sản xuất cho đến khi hoàn thành kế hoạch sản xuất.

Kế toán sử dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp (giản đơn).

### ***2.2.4 Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel***

#### ***2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp***

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CPNVLT) là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể của sản phẩm. CPNVLT ở công ty bao gồm:

Chi phí nguyên vật liệu chính: là phôi thép chiếm 90%-93% giá thành sản phẩm. Phôi thép được nhập khẩu trực tiếp từ Nga, Trung Quốc (chiếm 40%), số còn lại công ty mua dưới hình thức ủy thác của các công ty kim khí thương mại, dịch vụ trong nước.

Nhiên liệu: dầu FO và các xăng dầu mỡ khác.

Việc hạch toán chính xác, đầy đủ chi phí nguyên liệu có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xác định mức tiêu hao cho 1 đơn vị sản phẩm, đảm bảo tính chính xác của giá thành sản phẩm. Tại công ty liên doanh sản thép Vinausteel, kế toán tập hợp chi phí và phân bổ chi phí NVLTT được thực hiện một cách khá khoa học và hợp lý.

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất tháng, tuần, ngày của bộ phận kỹ thuật – vật tư, xưởng sản xuất nhận kế hoạch sản xuất sẽ lập phiếu đề nghị lĩnh vật tư gồm danh mục vật tư cần lĩnh, lý do sử dụng kho xuất, bộ phận lĩnh, số lượng cần lĩnh. Phiếu lĩnh vật tư sẽ được phụ trách phân xưởng ký duyệt sau đó được đưa lên bộ phận kỹ thuật- vật tư để viết phiếu xuất kho. Thủ kho sẽ căn cứ vào phiếu xuất kho để xuất vật tư cho xưởng sản xuất.

Phiếu xuất kho được lập thành hai liên:

+ 1 liên lưu gốc

+ 1 liên thủ kho giữ để vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán để ghi vào sổ kế toán

Cuối tháng tại bộ phận Tài chính- kế toán, căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nguyên liệu do thủ kho định kỳ gửi lên, kế toán vật tư sẽ lập các bảng kê chi tiết vật liệu theo từng thứ nguyên liệu, sau đó lấy số liệu từ các bảng kê ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, ghi chép tình hình nhập- xuất- tồn của từng thứ vật liệu theo chỉ tiêu số lượng và giá trị. Số liệu này được đối chiếu với báo cáo hàng tồn kho của bộ phận vật tư. Sau đó kế toán vật tư lập báo cáo tổng hợp xuất nguyên liệu. Mọi chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng cho sản xuất sẽ được tập hợp trực tiếp cho xưởng sản xuất,

Cuối tháng, căn cứ vào số liệu trên bảng tổng hợp nguyên liệu, kế toán chi phí sản xuất & giá thành sản phẩm sẽ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tùy theo yêu cầu quản lý, kế toán vật tư in ra các sổ tổng hợp, sổ chi tiết, sổ cái để tổng hợp chi phí NVLTT phát sinh trong tháng và tính giá thành sản phẩm.

Ví dụ: Ngày 05 / 07 /2010 và ngày 12/07/2010 căn cứ vào giấy đề nghị của bộ phận sản xuất và sự nhất trí của phòng kỹ thuật, kế toán viết phiếu xuất kho nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất trong tháng 07/2010

**Biểu số 2.1.**

**Công ty LDSX thép**  
**Vinausteel**  
 Km số 9/Vật Cách / Quán  
 Toan/HB/HP

**PHIẾU XUẤT KHO**  
 Ngày 5 tháng 07 năm 2010  
 Số 16

Mẫu số C21- HD  
 (Ban hành theo QĐ số  
 15/2006/QĐ – BTC ngày  
 20/06/2006 của Bộ trưởng  
 BTC)  
 NỢ .....  
 CÓ.....

Họ tên người nhận: **Đỗ Tiên Đạt** Địa chỉ (bộ phận): *Tổ cắt phôi*

Lý do xuất: xuất kho nguyên vật liệu dùng cho sản xuất

Xuất tại kho: A

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	
				Yêu cầu	Thực xuất			
	5SP/PS(120x120x11900)		Kg	2.151.673	2.151.673			
	5SP/PS(130x130x12000)		Kg	515	515			
	20MnSi(120x120x6000)		Kg	2.541.116	2.541.116			
	5SP/PS(125x125x11700)		Kg	96.658	96.658			
	SD 295A(120x120x6000)		Kg	1.114.521	1.114.521			
<b>Cộng</b>								

Ngày ... tháng .... Năm 2010

**Người lập phiếu      Người nhận      Thủ kho      Kế toán trưởng      Giám đốc**

(ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel)



**Biểu số 2.2.**

**Công ty LDSX thép**  
**Vinausteel**  
 Km số 9/Vật Cách / Quán  
 Toan /HB /HP

**PHIẾU XUẤT KHO**  
 Ngày 05 tháng 07 năm 2010  
 Số 17

Mẫu số C21- HD  
 (Ban hành theo QĐ số  
 15/2006/QĐ – BTC ngày  
 20/06/2006 của Bộ trưởng BTC)  
 NỢ .....  
 CÓ.....

Họ tên người nhận: **Nguyễn Hoài Thu**

Lý do xuất: xuất kho nhiên liệu dùng cho sản xuất

Xuất tại kho A

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
	Dầu FO		Kg	121.214	121.214		
	Oxy		Chai	100	100		
	LPG		Kg	624	624		
	Dầu HLP – 68		Lít	465	465		
	Mỡ LS3		Kg	250	250		
	Dầu Diezen		Lít	1.987	1.987		
	Xăng A92		Lít	3.618	3.618		
	Xăng A95		Lít	20	20		
	Dầu Plus		Hộp	1	1		
	Dầu GRXP- 150		Lít	935	935		
	Dầu PLC KOMAX CF		Lít	163	163		
<b>Cộng</b>							

**Người lập phiếu**      **Người nhận**      **Thủ kho**      **Kế toán trưởng**      **Giám đốc**  
 (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)  
 (Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty liên doanh sản xuất thép Vinaustee)

**Biểu số 2.3**

**Công ty LDSX thép**  
**Vinausteel**  
Km số 9/Vật Cách / Quán  
Toan/HB/HP

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 12 tháng 07 năm 2010  
Số 24

Mẫu số C21- HD  
(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ – BTC ngày  
20/06/2006 của Bộ trưởng BTC)  
NỢ .....  
CÓ.....

Họ tên người nhận: **Nguyễn Văn Trường** Địa chỉ (bộ phận): *Tổ cắt phôi*  
Lý do xuất: xuất kho nguyên vật liệu dùng cho sản xuất  
Xuất tại kho: A

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	
				Yêu cầu	Thực xuất			
	5SP/PS(120x120x11900)		Kg	6.351.871	6.351.871			
	5SP/PS(130x130x12000)		Kg	1.287	1.287			
	20MnSi(120x120x6000)		Kg	4.526.796	4.526.796			
	5SP/PS(125x125x11700)		Kg	351.112	351.112			
	SD 295A(120x120x6000)		Kg	952.784	952.784			
<b>Cộng</b>								

Ngày ... tháng .... Năm 2010

**Người lập phiếu**      **Người nhận**      **Thủ kho**      **Kế toán trưởng**      **Giám đốc**

(ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel)

**Biểu số 2.4**

**Công ty LDSX thép**  
**Vinausteel**  
Km số 9/Vật Cách / Quán  
Toan /HB /HP

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 12 tháng 07 năm 2010  
Số 25

Mẫu số C21- HD  
(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ – BTC ngày  
20/06/2006 của Bộ trưởng BTC)  
NỢ .....  
CÓ.....

Họ tên người nhận: **Nguyễn Thu Hường**

Lý do xuất: xuất kho nhiên liệu dùng cho sản xuất

Xuất tại kho A

S TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư,dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
	Dầu FO		Kg	112.384	112.384		
	Oxy		Chai	500	500		
	LPG		Kg	532	532		
	Dầu HLP – 68		Lít	752	752		
	Mỡ LS3		Kg	300	300		
	Dầu Diezen		Lít	1.987	1.987		
	Xăng A92		Lít	3.618	3.618		
	Xăng A95		Lít	20	20		
	Dầu Plus		Hộp	1	1		
	Dầu GRXP- 150		Lít	935	935		
	Dầu phanh		Hộp	1	1		
	Dầu PLC KOMAX CF		Lít	163	163		
<b>Cộng</b>							

**Người lập phiếu**      **Người nhận**      **Thủ kho**      **Kế toán trưởng**      **Giám đốc**  
(ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)  
(*Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty liên doanh sản xuất thép Vinaustee*)



**Biểu số: 2.5**

**CÔNG TY LDSX THÉP VINAUSTEEL**

Mẫu số S10-DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(Trích) SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM HÀNG HÓA)**

Tài khoản: 152

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) Phôi 5SP/PS(120x120x1900)

Tiểu khoản:.....

Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): .....

Tên kho:.....

Đơn vị tính: Kg

Năm: 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		- <b>SDDK (T07)</b>		8,300					12,266,297	101,810,265,100
		.....				.....				
<b>PX 16</b>	<b>05/07</b>	<b>Xuất VL cho bộ phận cắt phôi</b>	<b>621</b>				<b>2,151,673</b>			
PN 05	08/07	mua VL của công ty Hà Anh	112	8,308	3,521,812	29,259,214,096				
<b>PX 24</b>	<b>12/07</b>	<b>xuất VL cho bộ phận cắt phôi</b>	<b>621</b>				<b>6,351,871</b>			
		.....					.....			
		Cộng phát sinh			6,388,450	53,662,980,981	<b>10,211,992</b>			
		- <b>SDCK</b>							8,442,755	

**Thủ quỹ**  
(Ký, Họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty LDSX thép Vianusteel)*

**Biểu số: 2.6****CÔNG TY LDSX THÉP VINAUSTEEL**

Mẫu số S10-DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(trích) SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM HÀNG HÓA)**

Tài khoản: 152

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Oxy

Tiểu khoản:.....

Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): .....

Tên kho:.....

Đơn vị tính: chai

Năm: 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		- <b>SDDK (T07)</b>		29,565					300	8,869,500
		.....								
<b>PX17</b>	<b>05/07</b>	<b>Xuất VL cho tổ cắt phôi</b>	<b>621</b>				<b>100</b>			
PN 08	09/07	mua VL cty TNHH Thái An	111	29,621	420	12,440,820				
<b>PX 12</b>	<b>12/07</b>	<b>xuất VL cho tổ cắt phôi</b>	<b>621</b>				<b>500</b>			
		.....								
		- Cộng phát sinh			930	27,568,680	<b>880</b>			
		- <b>SDCK</b>							350	

**Thủ quỹ****Kế toán trưởng****Thủ trưởng**

(Ký, Họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(nguồn dữ liệu của phòng kế toán công ty LDSX thép Vinausteel)*

Khi theo dõi giá trị nguyên vật liệu xuất kho, căn cứ vào sổ chi tiết vật liệu kế toán tính đơn giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Trị giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập kho trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Đơn giá bình quân gia quyền} \times \text{Số lượng NVL xuất kho trong kỳ}$$

Đối với nguyên vật liệu trực tiếp:

Ví dụ: Ngày 31/07/ 2010 kế toán tính đơn giá xuất kho cho 1 tháng của phôi 5SP/PS(120x120x11900).

Ta có:

- Số lượng phôi 5SP/PS (120x120x11900) tồn đầu tháng là 12.266.297kg
- trị giá lượng phôi tồn đầu tháng là 101.810.265.100 đ
- theo bảng kê trong kỳ nhập: 6.388.450kg
- trị giá phôi nhập trong kỳ là: 53.662.980.981đ
- số lượng NVL xuất kho là 10.211.992 kg

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền phôi 5SP/PS} = \frac{101.810.265.100 + 53.662.980.981}{12.266.297 + 6.388.450} = 8.334$$

$$\text{Trị giá thực tế xuất kho phôi 5SP/PS} = 8.334 \times 10.211.992 = 85.106.741.328$$

Đối với nhiên liệu: Dầu FO,Oxy và các dầu mỡ khác cũng chiếm giá trị lớn trong giá thành sản phẩm, được lưu trữ, bảo quản chặt chẽ cả về mặt số lượng và giá trị ở trong kho. Cuối tháng kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho nhiên liệu và sổ chi tiết vật liệu hàng hóa, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu trong tháng, sau đó hạch toán vào đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm, trị giá nhiên liệu xuất kho cũng được tính theo phương pháp bình quân gia quyền( cách tính tương tự như đối với trị giá phôi xuất kho)

## ***Biểu số 2.7***

**Công ty LDSX thép Vinausteel****BẢNG KÊ XUẤT VẬT LIỆU**Tên sản phẩm: *Phôi 5PS/SP(120x120x11900)*

số: BKX 01

*Tháng 07 năm 2010*

chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Số hiệu	Ngày tháng					
		.....				
PX16	05/07	xuất cho tổ cắt phôi	Kg	2,151,673		
PX 24	12/07	xuất cho tổ cắt phôi	Kg	6,351,871		
		.....				
<b>cộng</b>				<b>10,211,992</b>	<b>8,334</b>	<b>85,106,741,328</b>

**Người lập****Kế toán trưởng****Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.8****Công ty LDSX thép Vinausteel****BẢNG KÊ XUẤT NHIÊN LIỆU**Tên sản phẩm: *Oxy*

số: BKX 06

*Tháng 07 năm 2010*

chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Số hiệu	Ngày tháng					
		.....				
PX17	05/07	xuất cho tổ cắt phôi	chai	100		
PX25	12/07	xuất cho tổ cắt phôi	chai	550		
		.....				
<b>cộng</b>				<b>880</b>	<b>29,625</b>	<b>26,070,000</b>

**Người lập****Kế toán trưởng****Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)



**Biểu số: 2.9****CÔNG TY LDSX THÉP VINAUSTEEL**

Mẫu số S11- DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**(trích) BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tài khoản:152

Tháng 07 Năm 2010

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (SP,HH)	đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
			Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền
	.....									
	Phôi 5SP/ PS(120x120x11900)	Kg	12,266,297	101,810,265,100	6,388,450	53,662,980,981	10,211,992	85,106,741,328	8,442,755	70,363,995,058
	Phôi 5SP/PS(130x130x12000)	Kg	1,230	12,560,421	2,342	22,390,487	3,182	26,127,402	390	8,823,506
	.....			.....		.....		.....		.....
	Oxy	chai	300	8,869,500	930	27,568,680	880	26,070,000	350	10,368,180
	<b>Cộng</b>			116,728,521,900		138,742,653,112		<b>205,287,563,969</b>		50,183,611,043

*( nguồn dữ liệu: phòng kế toán của công ty LDSX thép Vinausteel)*

**Biểu số: 2.10**

CÔNG TY LDSX THÉP VINAUSTEEL

**BẢNG TỔNG HỢP XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU CHO SẢN XUẤT**

Ngày 31/ 07/ 2010

Số :BTHX 01

<b>Bảng kê xuất số</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Số tiền</b>
BKX 01	Xuất phôi 5SP/PS(120x120x11900)	85,106,741,328
BKX 02	Xuất phôi 5SP/PS (130x130x12000)	26,127,402
.....	.....	.....
BKX 15	Xuất oxy cho sản xuất	26,070,000
.....	.....	.....
<b>Cộng</b>		<b>205,287,563,969</b>

**Biểu số 2.11**

**CÔNG TY LDSX THÉP  
VINAUSTEEL**

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

## **SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632

TK:621

Tên sản phẩm( hàng hóa dịch vụ,bất động sản đầu t): thép ống

Tháng 07 năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	vật liệu	nhiên liệu
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			<b>- SDDK</b>					
31/07	BTHX01	31/07	xuất kho vật liệu cho SX	152	205,287,563,969		198,751,888,420	6,535,675,549
			.....					
			<b>-Cộng phát sinh</b>		205,287,563,969	205,287,563,969		
			<b>-SDCK</b>					

**Biểu số 2.12****CÔNG TY LDSX THÉP****VINAUSTEEL**

Mẫu số SO3a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(trích) NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2010

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	H	1	2
			.....						
<b>31/07</b>	<b>BTHX 01</b>	<b>31/07</b>	<b>xuất NVL cho sản xuất</b>			<b>621</b>		<b>205,287,563,969</b>	
							<b>152</b>		<b>205,287,563,969</b>
			.....					.....	
			<b>- Cộng lũy kế</b>					6,001,444,554,000	6,001,444,554,000

**Người ghi sổ**

(Ký, Họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(trích số liệu từ phòng kế toán công ty LDSX thép Vinausteel)*

**Biểu số 2.13**

Mẫu số SO3b-DN

**CÔNG TY LDSX THÉP****VINAUSTEEL**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(trích) SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Năm 2010

**Tên TK: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

SH: 621

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	ngày tháng		Trang	dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<b>- SDDK</b>					
			.....					
<b>31/07</b>	<b>BTHX01</b>	<b>31/07</b>	<b>xuất NVL cho sản xuất</b>			<b>152</b>	<b>205,287,563,969</b>	
			.....				.....	
			<b>- Cộng Phát sinh</b>				854,278,522,969	854,278,522,969
			<b>- SDCK</b>					

**Người ghi sổ**

(Ký, Họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(trích nguồn dữ liệu : phòng kế toán công ty LDSX thép Vinausteel)*

#### 2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

\* Về lương:

Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel có khoảng 220 lao động. Công nhân trực tiếp sản xuất làm việc 3 ca/ ngày mỗi ca làm 8 tiếng. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian. Đối với nhân viên quản lý phải trả còn bao gồm lương trách nhiệm.

\* Về các khoản trích theo lương công ty thực hiện theo quy định hiện hành

- BHXH được tính bằng 22% tổng lương cơ bản trong đó 16% tính vào chi phí và 6% trừ vào thu nhập của công nhân viên

- BHYT được tính bằng 4,5% tổng lương cơ bản trong đó 3% tính vào chi phí và 1,5% trừ vào thu nhập của công nhân viên

- BHTN được tính bằng 2% tổng lương cơ bản trong đó 1% tính vào chi phí và 1% trừ vào thu nhập của công nhân viên

- KPCĐ: hàng tháng kế toán không tiến hành trích KPCĐ trên số tiền lương cơ bản tính vào chi phí sản xuất kinh doanh mà công ty có quỹ phí công đoàn riêng do CBCNV đóng góp. Phí công đoàn khấu trừ 1% vào tiền lương thực tế của công nhân viên

Dựa vào khối lượng công việc được giao, quản đốc của các tổ đơn đốc công nhân trong tổ thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật, đồng thời theo dõi tình hình của từng nhân. Công ty sử dụng bảng chấm công để kiểm tra số ngày làm việc của công nhân. Cuối tháng, kế toán dựa vào Bảng chấm công để tính ra lương cho lao động của toàn công ty.

Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel tính lương cho công nhân sản xuất trực tiếp dựa vào số ngày làm việc trong tháng. Tuy nhiên, đơn giá cho 1 ngày làm công ở các tổ sản xuất là khác nhau. Công thức tính lương như sau:

$$\text{Lương phải trả} = \frac{\text{Số ngày công làm việc thực tế}}{\text{Số ngày công}} \times \text{Đơn giá 1 ngày công phải trả CBCNV}$$

***Ví dụ: Căn cứ vào thời gian làm việc thực tế của cán bộ công nhân viên trong tháng 7 năm 2010 Quản đốc sẽ chấm công cho mọi người vào bảng chấm công (biểu số 2.14)***

**Biểu số 2.14****BẢNG CHẤM CÔNG***Tháng 07 năm 2010*

Tổ mặt bằng

S T T	Họ và tên	Các ngày trong tháng											Số ngày
		1	2	3	4	...	10	11	...	29	30	31	
1	Lê Hoàng Anh	x	x	x	0		x	0		x	x	x	27
2	Chu Thị Anh	x	x	x	0		x	0		0	x	x	25
3	Vũ Văn Dương	0	x	0	0		x	0		x	0	x	27
4	Trần Nhật Hạ	x	x	x	0		x	0		x	x	x	26
5	Đỗ Huỳnh Đông	x	x	x	0		x	0		x	x	x	27
6	Nguyễn Văn Tường	x	x	x	0		x	0		x	0	x	26
8	Trần Thu Trinh	x	0	0	0		x	0		x	x	x	26
9	Lê Mạnh Linh	x	x	x	0		x	0		x	x	x	27
1 0	Đông Thị Lý	x	x	x	0		x	0		x	x	x	27
1 1	Trần Thị Thảo	x	x	x	0		x	0		x	x	x	27

Ngày... tháng... năm...

**Người chấm công**

(ký, họ tên)

**Người duyệt**

(ký, họ tên)

*(Nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel)*

Cả cứ vào bảng chấm công và các quy định về đơn giá lương trên hợp đồng lao động, kế toán tính ra bảng lương (Biểu số 2.15).

**Biểu số 2.15**

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**

*Tháng 07 năm 2010*

STT	Họ và tên	Lương cơ bản	lương thời gian	Lương trách nhiệm	phụ cấp ca đêm, thâm niên	tổng lương
1	2	3	4	7	8	11
<b>I</b>	<b>Tổ mặt bằng</b>	<b>18,600,000</b>	<b>69,974,294</b>	<b>212,527</b>	<b>3,735,000</b>	<b>73,921,821</b>
1	Lê Hoàng Anh	2,658,000	12,273,267	212,527	597,500	<b>7,020,072</b>
2	Chu Thị Anh	2,657,000	9,529,718		597,500	<b>4,705,500</b>
3	Vũ Văn Dương	2,657,000	8,609,155		597,500	<b>4,449,500</b>
4	Trần Nhật Hạ	2,657,000	7,344,155		597,500	<b>3,184,500</b>
...	.....	.....				.....
<b>II</b>	<b>Tổ cắt phôi</b>	<b>42,750,000</b>	<b>146,066,927</b>	<b>658,198</b>	<b>8,025,000</b>	<b>84,013,198</b>
....	.....	....	....	.....		.....
<b>cộng</b>		<b>681,390,000</b>	<b>2,248,055,335</b>	<b>21,710,268</b>	<b>156,669,699</b>	<b>2,426,385,302</b>



các khoản phải nộp				Lương thực hưởng	Tạm ứng	Quyết toán	Các khoản công ty nộp ngân sách nhà nước			
6% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN	Tổng				16% BHXH	3% BHYT	1% BHTN	Tổng
12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1,116,000	279,000	186,000	1,581,000	72,049,821	38,400,000	33,649,821	2,976,000	558,000	186,000	3,720,000
159,490	39,870	26,580	225,930	12,644,837	6,520,000	6,124,837	425,280	79,740	26,580	531,600
159,480	39,855	26,570	225,845	9,503,997	5,120,000	4,383,997	425,270	79,710	26,750	531,400
159,480	39,855	26,570	225,845	8,980,810	1,231,000	7,749,810	425,270	79,710	26,750	531,400
159,480	39,855	26,570	225,845	7,715,810	1,200,000	6,515,810	425,270	79,710	26,570	531,400
.....			.....		.....		.....			
2,565,000	641,250	427,500	3,633,750	153,116,375	78,100,000	75,016,375	6,840,000	1,282,500	427,500	8,550,000
.....			.....		.....		.....			
40,883,400	10,220,850	6,813,900	57,918,150	2,368,467,152	1,308,995,000	1,059,472,152	109,002,400	20,441,700	6,813,900	136,278,000

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

*(nguồn dữ liệu: phòng kế toán công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel)*

**Biểu 2.16****BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG***Tháng 07 năm 2010*

STT	Đối tượng	lương đóng bảo hiểm	TK 334	TK 338			
				BHXH 16%	BHYT 3%	BHTN 1%	tổng
1	TK 622	356,690,000	1,452,114,340	57,070,400	10,700,700	3,566,900	71,338,000
2	TK627	56,800,000	86,598,254	9,088,000	1,704,000	568,000	11,360,000
3	TK642	267,900,000	887,672,708	42,864,000	8,037,000	2,679,000	53,580,000
cộng		681,390,000	2,426,385,302	109,022,400	20,441,700	6,813,900	136,278,000

Ngày ... tháng .... Năm....

**Người lập**  
(Ký, ghi họ tên)

**Kế toán trưởng**  
( Ký, ghi họ tên)

**Giám đốc**  
( Ký, ghi họ tên)

**Biểu số 2.17**

**CÔNG TY LDSX THÉP**  
**VINAUSTEEL**

Mẫu số SO3a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	H	1	2
			.....						
31/07	BPBL T07	31/07	Trả lương công nhân viên			622		1,452,114,340	
						627		86,598,254	
						642		887,672,708	
							334		2,426,385,302
31/07	BPBL T07	31/07	Các khoản trích theo lương			622		71,338,000	
						627		11,360,000	
						642		53,580,000	
							338		136,278,000
...			.....					.....	.....
			- Cộng chuyển trang sau						
			- Cộng lũy kế					6.001.444.554.000	6.001.444.554.000

**Người ghi sổ**

(Ký, Họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(số liệu của phòng kế toán công ty LDSX thép Vinausteel)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.18**

**CÔNG TY LDSX THÉP  
VINAUSTEEL**

Mẫu số SO3b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(trích)SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Năm: 2010

Tên TK: chi phí nhân công trực tiếp

SH: 622

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	ngày tháng		Trang	dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<b>- SDDK</b>					
			.....					
31/07	BPBLT07	31/07	Chi phí nhân công trực tiếp			334	1,452,114,340	
31/07	BPBL T07	31/07	Các khoản trích theo lương			338	71,338,000	
.....			.....					
			<b>- Cộng phát sinh</b>				923,452,356	923,452,356
			<b>- Số dư cuối kỳ</b>					

**người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, Họ tên)

(Ký, Họ tên)

(Ký, Họ tên)

**Biểu số 2.19**

**CÔNG TY LDSX THÉP  
VINAUSTEEL**

Mẫu số S36- DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**(Trích) SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627,154,631, 641, 642, 142, 242, 335, 632

TK:622

Tên sản phẩm: thép ống

Tháng 07 năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	lương	BHXH	BHYT	BHTN
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			<b>-Số dư đầu kỳ</b>							
31/07	BPBL T07	31/07	lương phải trả	334	1,452,114,340		1,452,114,340			
			các khoản trích theo lương	338	71,338,000			57,070,400	10,700,700	3,566,900
			.....		.....					
			<b>-Cộng phát sinh</b>		1,530,502,340	1,530,502,340				
			<b>-Số dư cuối kỳ</b>							

#### 2.2.4.3. *hạch toán chi phí sản xuất chung*

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí phát sinh trong phạm vi phân xưởng ngoài CPNVLTT và CPNCTT. Chi phí sản xuất chung là một phần của chi phí sản xuất và là một trong ba khoản mục chi phí cấu thành nên giá thành sản phẩm. Do đó hạch toán chi phí sản xuất chung là việc cần thiết để phục vụ công tác tính giá thành.

##### a. Chi phí nhân viên phân xưởng

Chi phí nhân viên phân xưởng ở công ty bao gồm: chi phí tiền lương chính, các khoản phụ cấp, khoản trích BHXH, BHYT, BHTN của nhân viên phân xưởng: Quản đốc, phó quản đốc, kỹ thuật viên, nhân viên kinh tế phân xưởng... Bộ phận quản lý được trả lương chủ yếu theo hình thức lương thời gian

Việc tính lương và trích BHXH, BHYT, BHTN của nhân viên phân xưởng cũng tính toán tương tự như đối với khoản mục chi phí nhân công trực tiếp. Chi phí nhân viên phân xưởng được tập hợp theo từng tháng và được phản ánh vào sổ sách.

Căn cứ vào bảng thanh toán lương( biểu số 2.16) và bảng phân bổ lương( biểu số 2.17) để tính chi phí nhân viên phân xưởng

##### b. Chi phí công cụ dụng cụ

Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng cho phân xưởng ở công ty bao gồm: Bảo hộ lao động, vật tư đồ nghề... ở công ty hầu hết các công cụ dụng cụ xuất dùng đều tiến hành phân bổ giá trị 1 lần cho chi phí sản xuất chung

**Biểu số 2.20.**

**Công ty LDSX thép**  
**Vinausteel**  
Km số 9/Vật Cách / Quán  
Toan/HB/HP

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 10 tháng 07 năm 2010  
Số 19

Mẫu số C21- HD  
(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ – BTC ngày  
20/06/2006 của Bộ trưởng BTC)  
NỢ .....  
CÓ.....

Họ tên người nhận: **Hoàng Thị Minh**

Lý do xuất: xuất kho vật tư dùng cho sản xuất

Xuất tại kho: A

S TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
	Bảo hộ lao động		cái	10	10		
	Vật tư đồ nghề		Cái	60	60		
	Vật tư kim khí		cái	40	40		
	Cộng						

Ngày ... tháng .... Năm ...

**Người lập phiếu**      **Người nhận**      **Thủ kho**      **Kế toán trưởng**      **Giám đốc**  
(ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel)

**Biểu số 2.21**

**Công ty LDSX thép**  
**Vinausteel**  
 Km số 9/Vật Cách / Quán  
 Toan/HB/HP

**PHIẾU XUẤT KHO**  
 Ngày 15 tháng 07 năm 2010  
 Số 27

Mẫu số C21- HD  
 (Ban hành theo QĐ số  
 15/2006/QĐ – BTC ngày  
 20/06/2006 của Bộ trưởng BTC)  
 NỢ .....  
 CÓ.....

Họ tên người nhận: **Hoàng Thị Minh**

Lý do xuất: xuất kho vật tư dùng cho sản xuất

Xuất tại kho: A

S TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
	Bảo hộ lao động		cái	15	15		
	Vật tư đồ nghề		Cái	50	50		
	Vật tư kim khí		cái	50	50		
	Cộng						

Ngày ... tháng .... Năm ...

**Người lập phiếu**      **Người nhận**      **Thủ kho**      **Kế toán trưởng**      **Giám đốc**  
 (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)      (ký, ghi họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel)



**Biểu số 2.22**

**CÔNG TY LDSX THÉP VINAUSTEEL**

Mẫu số S10-DN

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(Trích) SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM HÀNG HÓA)**

Tài khoản: 153

Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) bảo hộ lao động

Tiểu khoản:.....

Mã số vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): .....

Tên kho:.....

Đơn vị tính: cái

Năm: 2010

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		- <b>SDĐK (T07)</b>		428,000					20	8,560,000
		.....								
<b>PX 19</b>	<b>05/07</b>	<b>Xuất VT cho PXSX</b>	<b>627</b>				<b>10</b>			
PN 05	08/07	mua VT của công ty Thái Hà	111	432,231	20	8,644,620				
<b>PX 27</b>	<b>12/07</b>	<b>xuất VT cho PXSX</b>	<b>627</b>				<b>15</b>			
		.....								
		Cộng phát sinh			60	27,520,750	<b>50</b>			
		- <b>SDCK</b>							30	

**Thủ quỹ**  
(Ký, Họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.23**

**Công ty LDSX thép Vinausteel**

**BẢNG KÊ XUẤT VẬT TƯ**

Tên sản phẩm: *bảo hộ lao động*

số: BKX 22

*Tháng 07 năm 2010*

chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Số hiệu	Ngày tháng					
		.....				
PX 19	10/07	xuất cho sản xuất	Cái	10		
PX 27	15/07	xuất cho sản xuất	cái	15		
		.....				
<b>cộng</b>				<b>50</b>	<b>428,052</b>	<b>21,402,600</b>

**Biểu số: 2.24**

**CÔNG TY LDSX THÉP VINAUSTEEL**

Mẫu số S11- DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC

**(trích) BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tài khoản:153

Tháng 07 Năm 2010

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (SP,HH)	đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
			Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền
	.....									
	Bảo hộ lao động	cái	20	8,560,000	60	25,520,750	50	21,564,650	30	12,516,100
	Vật tư đồ nghề	cái	60	68,739,240	90	103,391,100	140	161,120,400	10	11,009,940
	.....									
	<b>Cộng</b>			163,720,450		250,420,672		<b>230,875,370</b>		183,427,802

*( nguồn dữ liệu: phòng kế toán của công ty LDSX thép Vinausteel)*

**Biểu số: 2.25****Công ty LDSX thép Vinausteel****BẢNG TỔNG HỢP XUẤT VẬT LIỆU CHO SẢN XUẤT**

Ngày 31/ 07/ 2010

Số :BTHX 04

<b>Bảng kê xuất số</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>Số tiền</b>
BKX 22	Bảo hộ lao động	21,564,650
BKX 23	Vật tư đồ nghề	161,120,400
BKX 24	Vật tư kim khí	48,190,320
<b>Cộng</b>		<b>230,875,370</b>

**c, Chi phí khấu hao tài sản cố định(TSCĐ)**

Trích khấu hao TSCĐ là trích vào chi phí 1 phần giá trị hao mòn của tài sản cố định để tạo nguồn tái sản xuất cho TSCĐ đó khi TSCĐ bị loại trừ khỏi quá trình sản xuất. Về phương diện tài chính khấu hao là phương tiện giúp cho doanh nghiệp thu hồi được toàn bộ phần giá trị của TSCĐ đã bị tiêu hao trong quá trình sản xuất.

TSCĐ phục vụ sản xuất chiếm 90% tổng số TSCĐ của công ty bao gồm: Nhà xưởng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải,... vì vậy công tác hạch toán chi phí khấu hao TSCĐ ở công ty là hết sức quan trọng và cần thiết.

Hiện nay công ty tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Hàng tháng kế toán căn cứ vào nguyên giá và tỷ lệ trích khấu hao của từng TSCĐ để tính ra số khấu hao TSCĐ phải trích trong tháng và phân bổ số khấu hao đó cho từng đối tượng sử dụng.

$$\text{Mức khấu hao năm} = \text{Nguyên giá TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao} = \frac{1}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao năm}}{12}$$

TSCĐ ở công ty được theo dõi chi tiết cho từng loại TSCĐ trên bảng tổng hợp phân loại và khấu hao TSCĐ được mở theo tháng về chỉ tiêu số lượng, nguyên giá, giá trị hoa mòn, giá trị còn lại.

Căn cứ vào số tiền trích khấu hao của nhà xưởng, thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, ... phát sinh trong tháng trên bảng, phân loại và trích khấu hao TSCĐ kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung sau đó ghi vào sổ cái, TK 627.

Ví dụ: nguyên giá nhà xưởng sản xuất là 15.561.928.000

Thời gian sử dụng là 20 năm. Tỷ lệ khấu hao 5 %, mức khấu hao tháng của nhà xưởng sản xuất là:

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{15.561.928.000}{(12 \times 20)} = 64.841.367$$

Hoặc là:

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{15.561.928.000 \times 5\%}{12} = 64.841.367$$



d, Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài của công ty LDSX thép Vinausteel là chi phí về tiền điện sản xuất. công ty sử dụng máy phát điện 3 pha dùng cho sản xuất. Sau đây là hóa đơn tiền điện tháng 07/2010

Mẫu số: 01 GTKT - 2LN - 01

**HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN**

(Liên 2: Giao cho khách hàng)

Ký hiệu: BA/ 2010T

Số:.....

**Cty TNHH MTV điện lực HP**

Kỳ 1 từ 16/06/ 2010 đến ngày 15/07/2010

Điện lực: Hồng Bàng

MST: 0200340213- 003

Điện thoại: 0312211281

Tài khoản: 0751000502001 NHTMCP An Bình

Tên & địa chỉ khách hàng: Cty liên doanh sản xuất thép Vinausteel

MSTKH: 020038686

Mã KH: 904263971

số C.tơ: 023041

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện TT	Đơn giá	Thành tiền
1.858	1.710	120	17.760		
Ngày: <b>TUQ Giám đốc</b>		Trong đó	17.760	923	16.392.480
Cộng					16.392.480
Thuế suất GTGT:10% thuế GTGT					1.639.248
Tổng cộng tiền thành toán					18.031.728
Số viết bằng chữ: Mười tám triệu không trăm ba mươi một nghìn bảy trăm hai tám đồng					

**Biểu số: 2.27**

**Công ty LDSX  
thép Vinausteel**

**PHIẾU CHI**  
Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
**Số 30**  
Nợ:  
Có:

Mẫu số C30 –BB  
Theo QĐ số: 19/2006 /QĐ- BTC  
ngày 30 tháng 3 năm 2006 của  
Bộ trưởng BTC

Họ và tên người nhận tiền: **Lê Thị Ánh**

Địa chỉ: phòng kế toán

Lý do chi: Chi tiền điện sản xuất và tiền thuế GTGT tháng 07/ 2010

Số tiền: **18.031.728** (viết bằng chữ) mười tám triệu không trăm ba mươi một nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng chẵn/

Kèm theo..... Chứng từ gốc.....

**Giám đốc      Kế toán trưởng      Người lập      Người nhận      Thủ Quỹ**

(Ký, họ tên đóng dấu)   (Ký, họ tên đóng dấu)   (Ký, họ tên đóng dấu)   (Ký, họ tên đóng dấu)   (Ký, họ tên đóng dấu)

Đã nhận đủ số tiền( viết bằng chữ) : mười tám triệu không trăm ba mươi một nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng chẵn/



***Biểu số 2.28***

**CÔNG TY LDSX THÉP  
VINAUSTEEL**

Mẫu số SO3a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(Trích) NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đồng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	H	1	2
			.....						
31/07	BPBL T07	31/07	Trả lương nhân viên PX			627		86,598,254	
							334		86,598,254
31/07	BPBL T07	31/07	các khoản trích theo lương			627		11,360,000	
							338		11,360,000
31/07	BTHX 04	31/07	xuất kho công cụ cho SX			627		230,875,370	
							153		230,875,370
31/07	BKH T07	31/07	Trích khấu hao TSCĐ			627		836,388,000	
							214		836.388.000
31/07	PC 30	31/07	Chi phí DV mua ngoài			627		18,031,728	
							111		18,031,728
			.....					.....	
			<b>- Cộng lũy kế</b>					<b>6,001,444,554,000</b>	<b>6,001,444,554,000</b>

**Biểu số: 2.29**

**CÔNG TY LDSX THÉP  
VINAUSTEEL**

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Năm 2010

Tên TK: chi phí sản xuất chung

SH: 627

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	ngày tháng		Trang	dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			<b>- SDDK</b>					
			.....					
31/07	BPBLT07	31/07	Trả lương nhân viên PX			334	86,598,254	
31/07	BPBLT07	31/07	Các khoản trích theo lương			338	11,360,000	
31/07	BTHX04	31/07	Xuất kho vật tư cho sản xuất			153	230,875,370	
31/07	BKH T07	31/07	Trích khấu hao TSCĐ			214	836,388,000	
31/07	PC 30	31/07	chi phí dịch vụ mua ngoài			111	18,031,728	
			.....				...	...
			<b>- Cộng phát sinh</b>				4,226,885,561	4,226,885,561
			<b>- SDCK</b>					

**Người ghi sổ**  
(Ký, Họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.30**

**CÔNG TY LDSX THÉP**  
**VINAUSTEEL**

Mẫu số S36-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

(Trích) **SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632

TK :627

Tên sản phẩm( hàng hóa dịch vụ, bất động sản đầu tư):Thép ống

Tháng 07 năm:2010.

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	6271	6273	6274	6277
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			<b>-Số dư đầu kỳ</b>							
			.....							
31/07	BL T07	31/07	Trả lương nhân viên PX	334	86,598,254		86,598,254			
31/07	BL T07	31/07	các khoản trích theo lương	338	11,388,000		11,388,000			
31/07	PX 29	20/07	Xuất công cụ cho sản xuất	153	230,875,370			230,875,370		
31/07	BKH T07	31/07	Trích khấu hao TSCĐ	214	836,388,000				836,388,000	
31/07	PC 30	31/07	chi phí dịch vụ mua ngoài	111	18,031,728					18,031,728
			.....							
			<b>-Cộng phát sinh</b>		<b>1,183,281,352</b>	<b>1,183,281,352</b>				
			<b>-Số dư cuối kỳ</b>							

2.2.4.4. tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm

a. Tổng hợp chi phí sản xuất.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để tổng hợp chi phí sản xuất. Cuối tháng căn cứ sổ cái TK621, TK622, TK627, kế toán tổng hợp thực hiện kết chuyển 3 khoản mục chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí SXC sang TK 154 để tính toán giá thành sản phẩm đồng thời ghi bút toán này vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK154.

**Biểu số 2.31**

**CÔNG TY LDSX THÉP  
VINAUSTEEL**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 07 năm 2010

số: PKT 20

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	kết chuyển chi phí			
	sản xuất để tính giá			
	thành sản phẩm thép			
	K/c CP NVLTT	154	621	205,287,563,969
	K/c CP NCTT	154	622	1,523,452,340
	K/c CP SXC	154	627	1,183,281,352
	<b>Cộng</b>			<b>207,994,297,661</b>

**Biểu số 2.32**

**CÔNG TY LDSX THÉP**  
**VINAUSTEEL**

Mẫu số SO3a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(trích) NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	H	1	2
			.....						
31/07	PKT 20	31/07	kết chuyển chi phí NVLTT			154		205,287,563,969	
							621		205,287,563,969
31/07	PKT 20	31/07	Kết chuyển chi phí NCTT			154		1,523,452,340	
							622		1,523,452,340
31/07	PKT 20	31/07	Kết chuyển chi phí SXC			154		1,183,281,352	
							627		1,183,281,352
			.....						
			- Cộng chuyển trang sau						
			- Cộng lũy kế					6,001,444,554,000	6,001,444,554,000

**Người ghi sổ**  
(Ký, Họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

*(nguồn dữ liệu phòng kế toán công ty LDSX thép Vinausteel)*

**Biểu số 2.33****CÔNG TY LDSX  
THÉP VINAUSTEEL**

Mẫu số SO3b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(trích) SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Năm: 2010.

Tên TK: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

SH: 154

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	ngày tháng		Trang	dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			<b>- SDDK</b>					
			.....					
31/07	PKT 20	31/07	Kết chuyển chi phí NVLTT			621	205,287,563,969	
31/07	PKT 20	31/07	Kết chuyển chi phí NVLTT			622	1,523,452,340	
31/07	PKT 20	31/07	Kết chuyển chi phí NVLTT			627	1,183,281,352	
			.....				.....	.....
			<b>- Cộng phát sinh</b>				845,201,562,124	845,201,562,124
			<b>- SDCK</b>					

**Người ghi sổ**

(Ký, Họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## b, Tính giá thành sản phẩm

Công ty có quy trình công nghệ liên tục, khép kín, chu kỳ sản xuất ngắn đồng thời công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí là phân xưởng sản xuất, đối tượng tính giá thành là thép thành phẩm từ  $\phi 10$ - $\phi 40$ ( đối tượng tập hợp chi phí tương đối phù hợp với đối tượng tính giá thành) nên công ty áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn

Theo phương pháp này giá thành thép được tính như sau:

$$Z_{tt} = D_{dk} + C - D_{ck}$$

$$z_{tt} = \frac{Z_{tt}}{S_{ht}}$$

Trong đó:

$Z_{tt}$ : tổng giá thành thực tế của khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ

$D_{dk}$ ,  $D_{ck}$ : chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, cuối kỳ

$C$ : tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ

$z_{tt}$ : giá thành đơn vị sản phẩm thực tế

$S_{ht}$ : khối lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ

*Chi phí phát sinh của thành phẩm thép ống là:*

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là : 205.287.563.969

+ Chi phí nhân công trực tiếp : 1.523.452.340

+ Chi phí sản xuất chung : 1,183,281,352

Do công ty không có sản phẩm dở dang đầu kỳ nhưng cuối kỳ công ty vẫn còn sản phẩm dở dang nên công ty sử dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến

Công thức áp dụng:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C}{Q + q_c \times \%} \times q_c \times \%$$

Trong đó:

$D_{dk}$ ,  $D_{ck}$ : chi phí dở dang đầu kỳ, cuối kỳ

$C$  : chi phí phát sinh trong kỳ

- Q : số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ  
 q<sub>c</sub> : số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ  
 % : mức độ hoàn thành bình quân của sản phẩm dở dang

Áp dụng công thức công ty tính được các khoản mục chi phí dở dang cuối kỳ:

$$\frac{K/m \text{ chi phí NVL}}{TT \text{ dở dang}(621)} = \frac{0 + 205.287.563.969}{24.586 + 114 \times 100\%} \times 114 \times 100\% = 947.481.064$$

$$\frac{K/m \text{ chi phí}}{NCTT \text{ dở}} = \frac{0 + 1.523.452.340}{24.586 + 114 \times 50\%} \times 114 \times 50\% = 3.523.791$$

*dang(622)*

$$\frac{K/m \text{ chi phí SXC}}{\text{dở dang}(627)} = \frac{0 + 1.183.281.352}{24.586 + 114 \times 50\%} \times 114 \times 50\% = 2.736.965$$

**Biểu số 2.34**

CÔNG TY LDSX THÉP VINAUSTEEL

**THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO KHOẢN MỤC**

Tên sản phẩm: thép ống

Mã sản phẩm

tháng 07 năm 2010

Khoản mục chi phí	Giá trị sản phẩm dở đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	Tổng giá thành
Chi phí NVLTT	-	205,287,563,969	947,481,064	204,340,082,905
Chi phí NCTT	-	1,523,452,340	3,523,791	1,519,928,549
Chi phí SXC	-	1,183,281,352	2,736,965	1,180,544,387
<b>Tổng</b>		207,994,297,661	953,741,820	<b>207,040,555,841</b>



**Biểu số 2.35**

**Công ty LDSX thép**  
**Vinausteel**  
 Km số 9/Vật Cách / Quán  
 Toan/HB/HP

**PHIẾU NHẬP KHO**  
 Ngày 31 tháng 07 năm 2010  
 SỐ 38

Mẫu số 02- VT  
 (Ban hành theo QĐ số  
 15/2006/QĐ – BTC ngày  
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)  
 NỢ .....  
 CÓ.....

Họ tên người nhận: **Trần Thanh Hà**

Diễn giải: nhập kho thành phẩm thép ống

Nhập tại kho: 3

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Thép ống thành phẩm		Tấn	24,586	24,586	8,421,075	207,040,555,841
Cộng							207,040,555,841

Số tiền bằng chữ: *hai trăm linh bảy tỷ không trăm bốn mươi triệu năm trăm năm  
mươi năm nghìn tám trăm bốn mươi một đồng*

Ngày ... tháng .... Năm 2010

**Người lập phiếu**    **Người nhận**    **Thủ kho**    **Kế toán trưởng**    **Giám đốc**  
 (ký, ghi họ tên)    (ký, ghi họ tên)    (ký, ghi họ tên)    (ký, ghi họ tên)    (ký, ghi họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel)

**Biểu số: 2.36****CÔNG TY LDSX  
THÉP VINAUSTEEL**

Mẫu số SO3a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(trích) NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	H	1	2
			.....						
31/07	PN38	31/07	Nhập kho thành phẩm thép ống			155		207,040,555,841	
							154		207,040,555,841
			.....					.....	
			- Cộng chuyển trang sau						
			- Cộng lũy kế					6,001,444,554,000	6,001,444,554,000

**Người ghi sổ**

(Ký, Họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

*(nguồn dữ liệu của phòng kế toán công ty LDSX thép Vinausteel)***Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số :2.37**

**CÔNG TY LDSX THÉP  
VINAUSTEEL**

Mẫu số SO3b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**(trích ) SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức nhật ký chung)

Năm:2010.

Tên TK: thành phẩm nhập kho

SH:155

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	ngày tháng		Trang	dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	A	B	C
			<b>- SDDK</b>				152,245,125,458	
			.....					
31/07	PN38	31/07	Nhập kho thép ống thành phẩm			154	207,040,555,841	
			.....					
			<b>- Cộng phát sinh</b>				945,201,262,124	854,258,354,142
			<b>- SDCK</b>				243,188,033,440	

**Người ghi sổ**  
(Ký, Họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### CHƯƠNG 3

## HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM Ở CÔNG TY LIÊN DOANH SẢN XUẤT THÉP VINAUSTEEL

### **3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty.**

Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel là 1 doanh nghiệp còn non trẻ nhưng sản phẩm của công ty đã chiếm được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Có được kết quả này nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty trong đó có sự đóng góp không nhỏ của bộ phận kế toán- tài chính

Qua thời gian ngắn tìm hiểu và tiếp cận với thực tế công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tuy còn hạn chế về khả năng nhận thức và kinh nghiệm thực tế, nhưng qua bài viết này em xin được trình bày một số nhận xét và kiến nghị về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm với mong muốn đóng góp 1 phần vào củng cố và hoàn thiện hơn nữa kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty.

#### ***3.1.1. Ưu điểm***

Công ty LDSX thép Vinausteel là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có số lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên tục và nhiều. Công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm được lãnh đạo công ty rất quan tâm để phù hợp với tình hình kinh tế thị trường hiện nay và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Trong công tác quản lý, công tác hạch toán chi phí và tính giá thành doanh nghiệp đã đạt được những ưu điểm sau:

Thứ nhất, về tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức bộ máy kế toán

-Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng có mối quan hệ chỉ đạo từ trên xuống giúp cho Ban lãnh đạo công ty thuận tiện trong việc quản lý điều hành.

-Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức mô hình tập trung: Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được thu thập, kiểm tra xử lý được gửi về phòng kế toán. Phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác, hợp lệ của chứng từ, tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán. Mô

hình này là phù hợp với địa bàn, quy mô vừa và nhỏ của doanh nghiệp, đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất của công tác kế toán, dễ phân công, xử lý và cung cấp thông tin kịp thời giúp lãnh đạo nắm bắt được tình hình hoạt động của công ty.

-Bộ máy kế toán hoạt động có hiệu quả, có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán mới và vận dụng một cách linh hoạt vào tình hình của công ty. Thêm vào đó bộ máy kế toán có sự phân nhiệm rõ ràng cho từng người tạo ra sự ăn khớp nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán liên quan, nhân viên kế toán với tác phong làm việc khoa học, có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc nên phòng kế toán công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Thứ hai, Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán: Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại công ty cơ bản là thực hiện đúng theo quy định của Bộ tài chính ban hành. Công ty cũng thiết lập hệ thống tài khoản chuẩn do Bộ tài chính quy định và bổ sung thêm một số tiểu khoản phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đặc điểm của công ty.

Thứ ba, về sổ sách kế toán: Hệ thống sổ kế toán của công ty có ưu điểm là gọn nhẹ, đơn giản, không cồng kềnh. Kế toán áp dụng theo hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản, dễ vận dụng, phù hợp với trình độ năng lực và yêu cầu quản lý của công ty.

Thứ tư, về công tác tập hợp chi phí sản xuất: Đối với khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp công ty đã lựa chọn phương pháp kê khai thường xuyên để tiến hành tập hợp chi phí sản xuất là phù hợp với điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay. Phương pháp này giúp kế toán thu thập được thông tin về biến động giá một cách thường xuyên, đầy đủ, kịp thời. Bên cạnh đó, công ty cũng luôn chú ý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ nhằm tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm

Thứ năm, về công tác tính giá thành: công ty LDSX thép Vinausteel áp dụng theo hình thức giản đơn là hoàn toàn hợp lý, xuất phát từ đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

Có thể nói việc hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời phục vụ cho yêu cầu quản trị tại công ty.

### ***3.1.2 Nhược điểm***

Bên cạnh những ưu điểm đã được đề cập ở trên thì công tác kế toán nói chung, công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty còn có những mặt hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện hơn nữa. Dưới góc độ một sinh viên thực tập qua thời gian nghiên cứu tại công ty em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

Thứ nhất, Tại công ty LDSX thép Vinausteel, công tác hạch toán còn được thực hiện thủ công. Công ty chưa ứng dụng phần mềm kế toán máy vào bất kỳ một phần hành kế toán nào. Chính vì vậy đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kế toán, hiệu quả sản xuất kinh doanh, làm giảm đi sự nhanh chóng, chính xác, đảm bảo thông tin kịp thời cho ban lãnh đạo trong việc điều hành sản xuất kinh doanh ở công ty. Mặt khác, việc lưu trữ, tra cứu kiểm tra số liệu kế toán- tài chính cũng khó khăn hơn.

Thứ hai, công ty chưa thực hiện các khoản hạch toán thiệt hại trong quá trình sản xuất như: thiệt hại ngừng sản xuất trong kế hoạch... Những thiệt hại này gây tổn thất cho công ty làm chi phí sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

Thứ ba, công ty không hạch toán việc thu hồi phế liệu. Giá trị thu hồi phế liệu là khoản làm giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho công ty.

Thứ năm, công ty không trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Khi sửa chữa lớn phát sinh thì hạch toán luôn vào chi phí trong tháng theo định khoản

Nợ TK 154

Có TK 111, 112, 331...

Việc hạch toán trực tiếp như trên sẽ đẩy chi phí sản xuất trong tháng đó tăng lên. Do đó không đảm bảo ổn định chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

**3.2. nội dung và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty LDSX thép Vinausteel.**

#### ***3.2.1 Kiến nghị 1: Việc hiện đại hóa công tác kế toán và đội ngũ kế toán.***

Tại công ty LDSX thép Vinausteel, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ. Công việc kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dồn vào cuối tháng

nên ảnh hưởng tới tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy công ty cần nhanh chóng trang bị máy tính có cài chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Công ty có thể tự viết phần mềm hoặc là đi mua phần mềm của các nhà cung cấp ứng dụng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như phần mềm kế toán SAS INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam, phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA, phần mềm kế toán của FAST ACCOUTING của công ty cổ phần FAST Việt Nam....

Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác và kịp thời. Thêm vào đó là tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản cũng thuận lợi an toàn hơn.

### ***3.2.2 Kiến nghị 2: Về các thiệt hại trong quá trình sản xuất.***

Thiệt hại trong quá trình sản xuất là điều khó tránh khỏi trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Thiệt hại có thể do nguyên nhân chủ quan hoặc nguyên nhân khách quan nhưng kết quả đều gây tổn thất cho công ty, làm chi phí sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Các khoản thiệt hại cần được hạch toán đầy đủ để đảm bảo được độ chính xác của giá thành sản phẩm.

\* Thiệt hại về sản phẩm hỏng: Sản phẩm hỏng là những sản phẩm không đúng quy cách, tiêu chuẩn, kích cỡ, trọng lượng... Hiện nay, công ty LDSX thép Vinausteel không hạch toán phần này tuy nhiên công ty vẫn nên hạch toán khoản thiệt hại này, tìm đúng nguyên nhân của sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý. Nếu sản phẩm hỏng là do người lao động thì tổ đó phải chịu trách nhiệm. Nếu là sản phẩm hỏng do lỗi kỹ thuật thì phải xử lý càng sớm càng tốt để không làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và chất lượng sản phẩm, hạn chế tối đa mức thiệt hại

Tùy theo mức độ mà sản phẩm hỏng được chia làm hai loại:

+ Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

+ Sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được là những sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa và việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

Trong quan hệ với công tác kế hoạch, cả hai loại sản phẩm nói trên lại được chi tiết thành sản phẩm hỏng trong định mức và sản phẩm hỏng ngoài định mức:

+ Sản phẩm hỏng trong định mức là những sản phẩm hỏng mà doanh nghiệp dự kiến sẽ xảy ra trong sản xuất. Đây là những sản phẩm được xem là không tránh khỏi trong quá trình sản xuất nên phần chi phí cho những sản phẩm này được coi là chi phí sản xuất chính phẩm. Sở dĩ đa số các doanh nghiệp chấp nhận một tỷ lệ sản phẩm hỏng vì họ không muốn tốn thêm chi phí để hạn chế hoàn toàn sản phẩm hỏng do việc bỏ thêm chi phí này tốn kém hơn nhiều so với việc chấp nhận một tỷ lệ tối thiểu về sản phẩm hỏng.

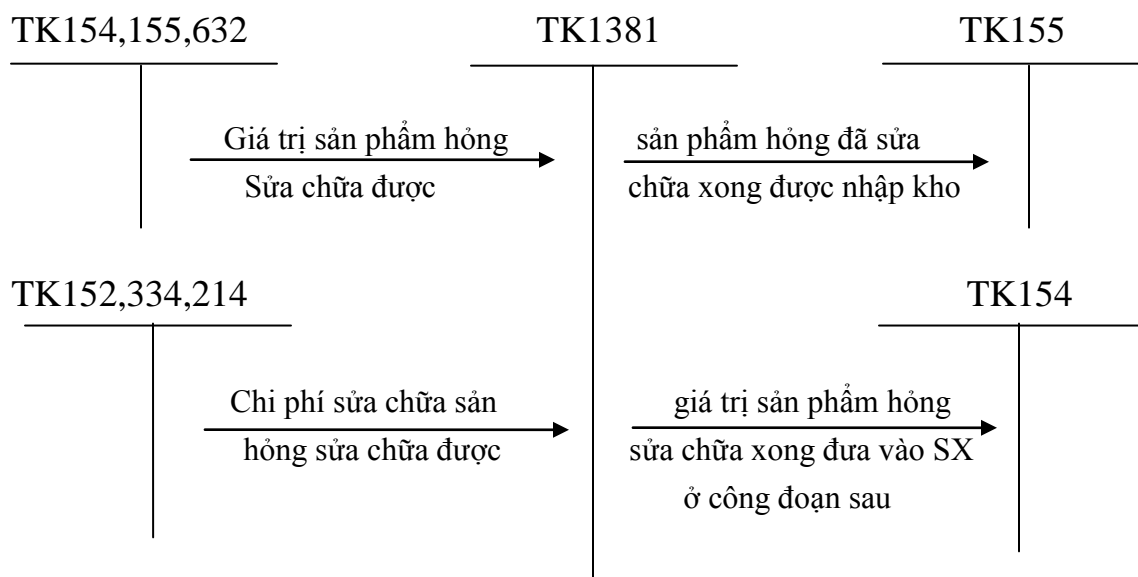
+ Sản phẩm hỏng ngoài định mức là những sản phẩm nằm ngoài dự kiến của nhà sản xuất do các nguyên nhân bất thường như máy hỏng... Do xảy ra bất thường không được chấp nhận nên chi phí của chúng không được cộng vào chi phí sản xuất chính phẩm mà được coi là khoản phí tổn thời kỳ, phải trừ vào thu nhập.

Tồn tại sản phẩm hỏng là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy công ty nên dự kiến một tỷ lệ sản phẩm hỏng- sản phẩm hỏng trong định mức.

Thiệt hại sản phẩm hỏng trong định mức được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thiệt hại về sản} \\ \text{phẩm hỏng trong} \\ \text{định mức} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm} \\ \text{hỏng không sửa} \\ \text{chữa được} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản phẩm} \\ \text{hỏng có thể sửa} \\ \text{chữa được} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{thu hồi} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

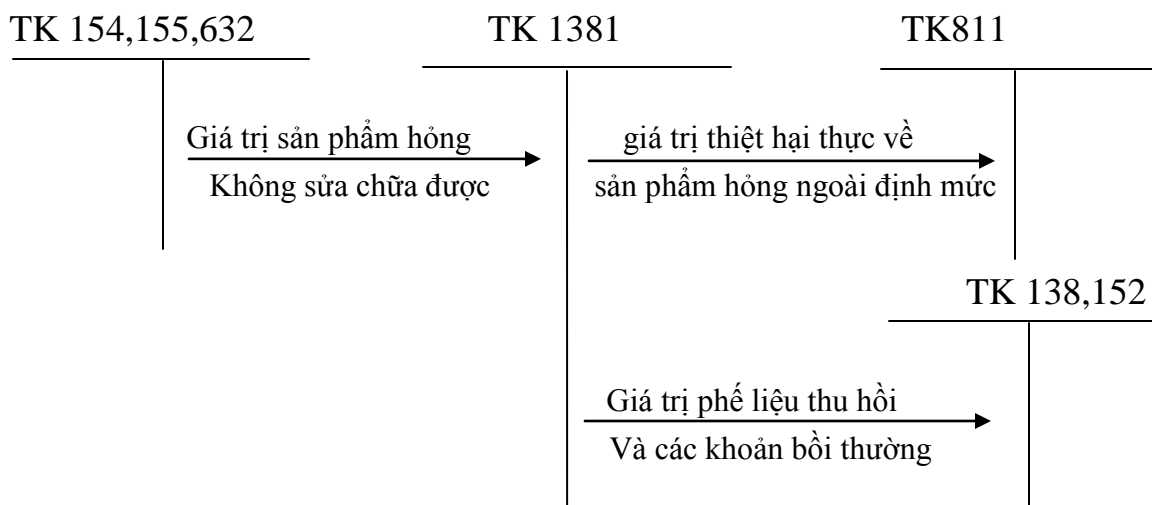
### **Sơ đồ 3.1: Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng sửa chữa được**





Toàn bộ phần thiệt hại này tính vào chi phí sản xuất sản phẩm và được hạch toán như đối với chính phẩm.

**Sơ đồ 3.2: Hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng không sửa chữa được**



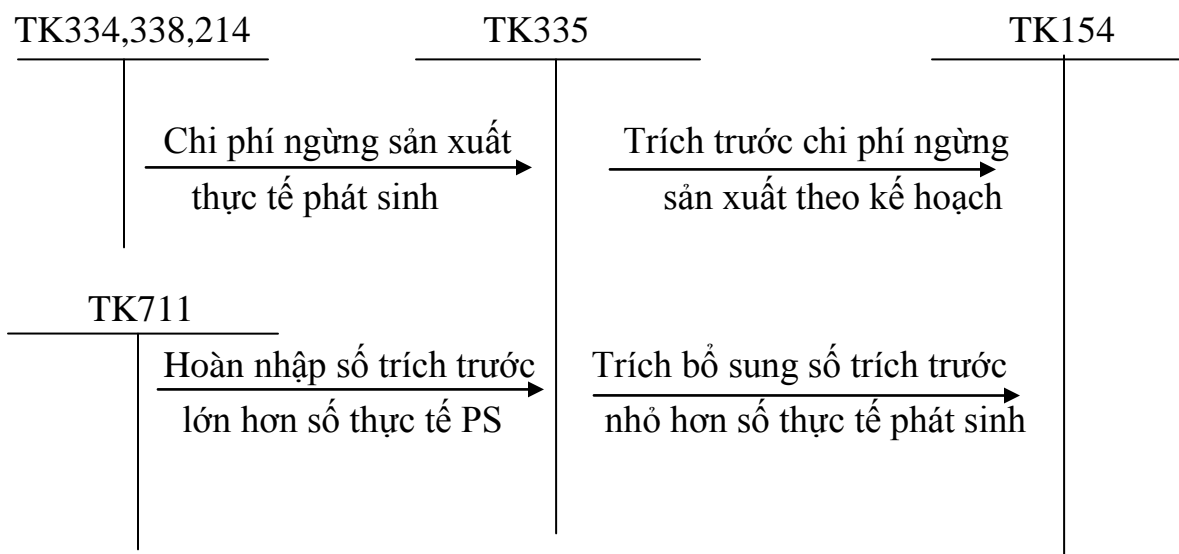
Thiệt hại của những sản phẩm hỏng ngoài định mức, kế toán phải theo dõi riêng đồng thời xem xét từng nguyên nhân gây ra sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý.

**\*Thiệt hại về ngừng sản xuất**

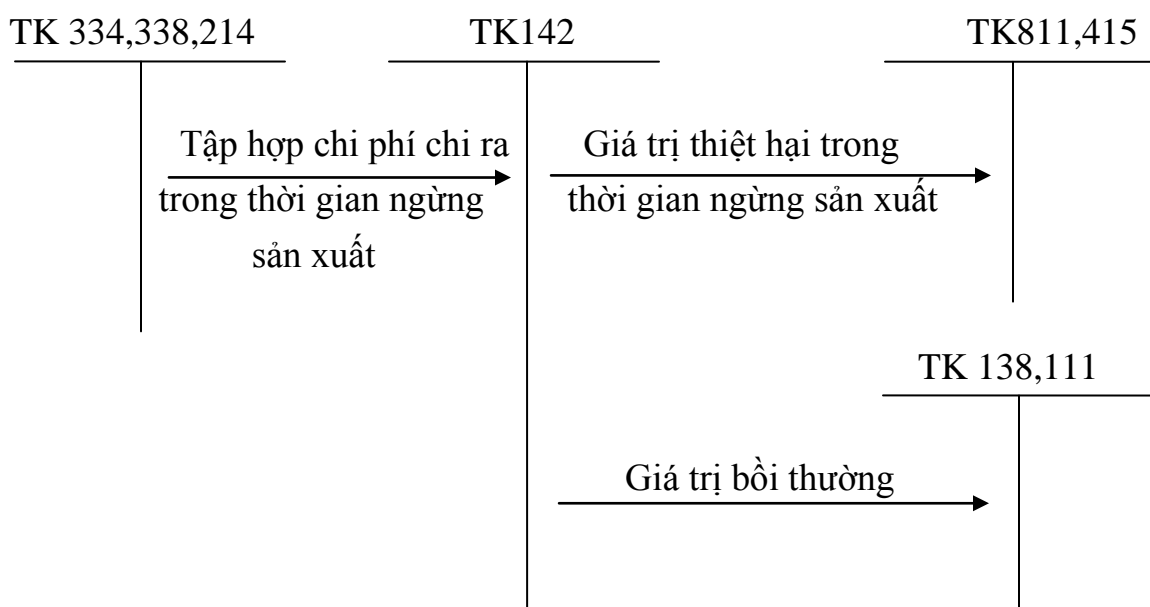
Trong thời gian ngừng sản xuất, vì nguyên nhân khách quan hay chủ quan, các doanh nghiệp phải bỏ ra một số chi phí để duy trì hoạt động như tiền công lao động, khấu hao TSCĐ... Những khoản chi phí chi ra trong thời gian này được coi là thiệt hại về ngừng sản xuất

Với những khoản chi phí về ngừng sản xuất theo kế hoạch dự kiến, kế toán theo dõi trên TK 335. Trường hợp ngừng sản xuất bất thường, các khoản chi phí bỏ ra trong thời gian này do không được chấp nhận nên phải theo dõi riêng.

### **Sơ đồ 3.3: Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất trong kế hoạch**



### **Sơ đồ 3.4: Hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch**

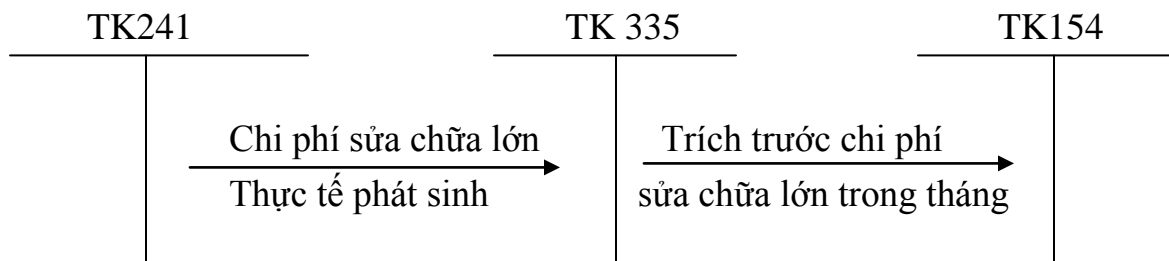


#### **3.2.3 Kiến nghị 3: về việc trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ**

Để ổn định chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phát sinh trong kỳ thì công ty cần phải trích trước chi phí sửa chữa lớn, việc xác định mức trích chi phí sửa chữa lớn hàng tháng có thể căn cứ vào kế hoạch sửa chữa lớn trong năm hoặc chi phí sửa chữa lớn đã phát sinh vào năm trước. Khi đó, mức trích chi phí sửa chữa lớn trong tháng sẽ tính theo công thức:

$$\text{Chi phí sửa chữa lớn trong tháng} = \frac{\text{Chi phí sửa chữa lớn trong năm}}{12}$$

**Sơ đồ 3.5: Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ**



**3.2.4 Kiến nghị 4: Trích KPCĐ cho cán bộ công nhân viên.**

Tiến hành trích kinh phí công đoàn 2% vào chi phí. Khi tiến hành trích kinh phí công đoàn thì kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 622,627,642

Nợ TK 334

Có TK 338(2)

## KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm là một vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao. Để kế toán phát huy hết hiệu quả của mình trong quản lý kinh tế, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm nói riêng là một tất yếu khách quan.

Qua thời gian thực tập, trên cơ sở kiến thức, phương pháp luận đã thu nhận được ở nhà trường kết hợp với tình hình thực tế ở công ty, bài viết này em đã khái quát được lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, nắm bắt được thực tế công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel, nghiên cứu, nhận xét, đánh giá, và mạnh dạn đưa ra những tồn tại và đề xuất một số ý kiến nhằm khắc phục những hạn chế trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở công ty với mong muốn góp phần vào việc củng cố, hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Tuy nhiên, do thời gian, trình độ cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo và các cô bác trong phòng kế toán Công ty liên doanh sản xuất thép Vinausteel để bài viết cũng như kiến thức của em được hoàn thiện hơn.

Em xin trân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Thạc sĩ Nguyễn Đức Kiên, cảm ơn các cô, bác trong phòng kế của công ty Liên doanh sản xuất thép Vinausteel cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2011*

Sinh viên

Đỗ Thị Hoa